

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Số: 1435 /QLĐĐ-TKKTĐĐ
V/v hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn
thiện cơ sở dữ liệu đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố

Thực hiện Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện và hỗ trợ công tác triển khai Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA tại địa phương, Cục Quản lý đất đai đã xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Trên cơ sở hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, đề nghị Quý Sở nghiên cứu và áp dụng thực hiện.

(gửi kèm theo hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai)

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Cục Quản lý đất đai để hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa (để báo cáo);
- Cục trưởng Đào Trung Chính (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để phối hợp);
- Cục C06, C12, A05 (để phối hợp);
- Cục Chuyển số (để phối hợp);
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty Cổ phần Tin học - Bản đồ Việt Nam;
- Lưu VT, TKKTĐĐ (Tp).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**


Mai Văn Phấn

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT
XÂY DỰNG, DUY TRÌ VÀ HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Công văn số 1435/QLĐĐ-TKKTĐTĐĐ ngày 22/4/2026)
PHẦN QUY ĐỊNH CHUNG

I. Sự cần thiết

Nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn đơn thuần mà là nhiệm vụ trọng tâm, mệnh lệnh và quyết tâm chính trị được Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể của lĩnh vực đất đai đó là “Phấn đấu đến hết năm 2026 hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hoá, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác”;

Triển khai nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 24/02/2026 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW; đồng thời, đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 yêu cầu các bộ, ngành và địa phương khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đất đai.

Ngày 29/3/2026 Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/3/2026 quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL quốc gia về đất đai.

Cục Quản lý đất đai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng “**Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai**”, để các địa phương nghiên cứu, làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, toàn diện phấn đấu hoàn thiện việc đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai trên toàn quốc trong năm 2026, bảo đảm toàn bộ các thửa đất trên phạm vi cả nước đều được tạo lập dữ liệu số theo mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW.

Trong quá trình triển khai Hướng dẫn kỹ thuật này, tùy điều kiện cụ thể Cục Quản lý đất đai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quá trình triển khai tại địa phương.

II. Mục đích, yêu cầu và tổ chức triển khai

1. Mục đích

Thông nhất về quy trình kỹ thuật cho việc tổ chức triển khai đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng, làm đúng – đủ - sạch – sống và quản trị, vận hành, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Yêu cầu

- Rà soát tổng thể hiện trạng kết quả về bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và các tài liệu có liên quan để phân loại và tổ chức triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai phù hợp với từng quy trình kỹ thuật;

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải được xây dựng, hoàn thiện theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”¹; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Kế thừa tối đa kết quả của Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai (Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT), tập trung xử lý triệt để những tồn tại, điểm nghẽn đã được xác định qua Kế hoạch 515/KH-BCA-BNN&MT và sử dụng hiệu quả các tài liệu, hồ sơ, bản đồ hiện có bảo đảm dữ liệu sau khi xây dựng, hoàn thiện được đưa ngay vào quản lý, khai thác, sử dụng;

- Việc triển khai phải được tổ chức trên toàn bộ đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố; xã, phường, đặc khu với sự tập trung ưu tiên, quyết liệt, khoa học, chất lượng, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính trị, các cấp, các ngành theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm và rõ thẩm quyền;

- Bảo đảm tuyệt đối về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng, hoàn thiện, vận hành và kết nối, chia sẻ CSDL quốc gia về đất đai;

- Song song với quá trình triển khai đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai phải tiến hành đồng thời với việc rà soát, tái cấu trúc các quy trình, thủ tục hành chính về đất đai được thực hiện trực tuyến toàn trình đảm bảo dữ liệu đất đai đã được xây dựng luôn luôn sống.

¹ - Tiêu chí “đúng” là thông tin được ghi nhận trong CSDL chính xác về nội dung pháp lý, phù hợp với hồ sơ, tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác lập; phản ánh đúng vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất theo bản đồ địa chính, mảnh trích đo địa chính.

- Tiêu chí “đủ” phải bao gồm các nhóm dữ liệu địa chính, bao gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và dữ liệu phi cấu trúc theo quy định về nội dung, cấu trúc, trường thông tin của CSDL địa chính.

- Tiêu chí “sạch” là dữ liệu đã được chuẩn hóa theo quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của CSDL đất đai; không trùng lặp, sai logic, thiếu liên kết, sai định dạng; thống nhất về các danh mục dùng chung; thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phải thống nhất với CSDL quốc gia về dân cư.

- Tiêu chí “sống” là dữ liệu được vận hành, khai thác, cập nhật, đồng bộ theo thời gian thực.

3. Phạm vi áp dụng và nguyên tắc triển khai

3.1. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn kỹ thuật này được áp dụng cho các trường hợp cụ thể như sau:

(1) Quản trị, duy trì, cập nhật và vận hành đối với cơ sở dữ liệu đất đai đã đảm bảo “đúng – đủ – sạch – sống”;

(2) Làm giàu, làm sạch, hoàn thiện, đối khớp, bổ sung thông tin đối với thửa đất đã được xây dựng dữ liệu nhưng chưa “đúng – đủ – sạch – sống”;

(3) Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng CSDL đất đai đối với khu vực chưa xây dựng CSDL hoặc thửa đất đã được xây dựng dữ liệu nhưng không sử dụng được;

(4) Tạo lập thông tin, dữ liệu số của thửa đất đối với những khu vực chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính mà phải đo đạc lại.

3.2. Nguyên tắc triển khai

- Việc tổ chức triển khai xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai không làm đình trệ, ách tắc quá trình thực hiện thủ tục hành chính về đất đai của người dân, doanh nghiệp;

- Trong quá trình triển khai phải đảm bảo nguyên tắc: “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm và rõ thẩm quyền”; tổ chức, cá nhân tham gia phối, kết hợp giữa các công đoạn của quy trình kỹ thuật phải đảm bảo thông suốt, hiệu quả;

- Việc triển khai tạo lập thông tin, dữ liệu số của thửa đất đối với những khu vực chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính mà phải đo đạc lại quy định tại tiểu mục (4) chỉ được thực hiện khi chưa tiến hành đo vẽ chi tiết thửa đất ngoài thực địa quy định tại tiểu mục (3) của phạm vi áp dụng.

- Căn cứ vào khối lượng nhiệm vụ nêu tại mục 3.1, địa phương quyết định việc thực hiện các quy trình để đảm bảo cơ sở dữ liệu thửa đất “đúng – đủ – sạch – sống” và thời gian thực hiện để đảm bảo tất cả các thửa đất trên địa bàn được tạo lập dữ liệu trong năm 2026.

- Cơ sở dữ liệu đất đai đã được làm “đúng – đủ – sạch” phải được vận hành theo thời gian thực; được sử dụng khi người sử dụng đất thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời, phải được cập nhật ngay trong quá trình có biến động.

4. Tổ chức triển khai

Căn cứ vào kết quả rà soát khối lượng nhiệm vụ tại Mục 3.1 và yêu cầu tại Mục 2 nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp xã xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức triển khai, cụ thể như sau:

4.1. Xác định khối lượng nhiệm vụ theo từng Nhóm quy định tại Mục III.1, trường hợp khu vực đo đạc lập bản đồ địa chính chưa thực hiện kịp thì lập bổ sung kế hoạch tạo lập thông tin, dữ liệu số của thửa đất đối với những khu vực đó;

4.2. Xây dựng phương án triển khai: Phương án triển khai phải được xác định cụ thể theo từng Nhóm nhiệm vụ tại Mục III.1, trong đó:

- Xác định rõ thời gian, địa điểm sẽ tổ chức thực hiện;
- Xác định rõ cơ quan, tổ chức và nguồn nhân lực thực hiện theo từng bước công việc triển khai theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm và rõ thẩm quyền”; đồng thời với cơ chế phối hợp khi thực hiện;
- Xác định rõ các nội dung công việc lồng ghép và kế thừa các kết quả, sản phẩm đã được triển khai;
- Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác rà soát, đánh giá phân loại dữ liệu địa chính
- Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác rà soát, đánh giá phân loại dữ liệu địa chính, tạo lập dữ liệu và xây dựng CSDL đất đai.

4.3. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện: việc kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình triển khai; kết quả thực hiện phải được cập nhật, tổng hợp định kỳ hàng tuần.

III. Phạm vi triển khai và đảm bảo các điều kiện áp dụng

1. Phạm vi triển khai

Để tổ chức triển khai, các địa phương rà soát tổng thể nhiệm vụ trên toàn đơn vị hành chính cấp tỉnh gắn với cấp xã để xác định khối lượng nhiệm vụ phải thực hiện cho từng đơn vị hành chính tương đương, đảm bảo không bị thiếu hoặc trùng lặp khối lượng nhiệm vụ, theo các nhóm sau đây:

- a) Nhóm 1: thửa đất đã được xây dựng CSDL và dữ liệu đang được sử dụng và đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”.
- b) Nhóm 2: thửa đất đã được xây dựng CSDL nhưng dữ liệu cần làm đúng, làm đủ, bổ sung và xác thực thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.
- c) Nhóm 3: thửa đất chưa xây dựng CSDL và thửa đất có dữ liệu nhưng không sử dụng được cần đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống quản trị CSDL đất đai cấp tỉnh

2.1. Kiến trúc nền tảng và hạ tầng kỹ thuật: theo nguyên tắc “**1 Tỉnh - 1 Phần mềm quản lý**”, vận hành theo mô hình CSDL tập trung; có hệ thống máy chủ, máy tính chuyên dụng phục vụ riêng cho việc đồng bộ; hạ tầng lưu trữ phải có cơ chế sao lưu, dự phòng định kỳ, phương án ứng phó sự cố và hệ thống đáp ứng An toàn thông tin Cấp độ 3.

2.2. Bảo mật và truyền tải: toàn bộ các gói tin khi giao tiếp, đồng bộ dữ liệu từ địa phương lên CSDL quốc gia về đất đai bắt buộc phải được ký số bằng

chứng thư số hợp lệ, nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, chống chối bỏ nguồn gốc và ngăn chặn giả mạo dữ liệu.

2.3. Quản trị và lưu vết: phân quyền thao tác chặt chẽ theo vai trò (RBAC); tuyệt đối không cho phép một người vừa lập hồ sơ vừa tự phê duyệt trong cùng một chu trình nếu quy trình yêu cầu tách biệt nhiệm vụ; hệ thống phải lưu vết tự động, đầy đủ nhật ký: người thao tác, thời điểm, nội dung thay đổi, trạng thái đồng bộ, phiên bản hiện trạng và lịch sử.

2.4. Kiểm soát dữ liệu tự động: hệ thống phải tích hợp bộ công cụ rà soát tự động trước khi lưu vào CSDL và đẩy đồng bộ; việc kiểm tra tính liên kết của 3 khối dữ liệu (thuộc tính, không gian, hồ sơ quét), các lỗi sai mã đơn vị hành chính, trùng số định danh, sai diện tích,... và đặc biệt kiểm soát lỗi cấu trúc không gian (Topology: đề chồng ranh giới, khoảng hở, sai hệ tọa độ VN-2000) là yêu cầu bắt buộc.

2.5. Giám sát điều hành trực quan: Bảng điều khiển (Dashboard) giám sát phải được hiển thị chi tiết đến cấp xã; các chỉ số hiển thị theo thời gian thực tối thiểu phải có bao gồm: số hồ sơ tiếp nhận, tỷ lệ xử lý, số hồ sơ đồng bộ lỗi (Fail sync) và biến động chất lượng của các thửa đất Nhóm 1 trong quá trình vận hành.

2.6. Liên thông và chia sẻ dịch vụ: hệ thống phải có khả năng kết nối API thông suốt với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của ngành nông nghiệp và môi trường và các hệ thống liên quan khác; bảo đảm dữ liệu Nhóm 1 được trích xuất, tái sử dụng trực tiếp để giải quyết nghiệp vụ hành chính liên thông.

2.7. Tính đồng bộ và tuân thủ quy chuẩn nền tảng: cấu trúc CSDL, bộ công cụ kiểm soát lỗi tự động và giao thức kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu là yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt quy chuẩn chung thống nhất của hệ thống.

2.8. Tính độc lập và quyền làm chủ dữ liệu số: “địa phương làm chủ hoàn toàn tài sản dữ liệu”; CSDL phải được lưu trữ, cho phép trích xuất và liên thông bằng các định dạng chuẩn mở; không sử dụng mã hóa định dạng độc quyền để trói buộc dữ liệu. Yêu cầu này nhằm bảo đảm việc bàn giao dữ liệu nguyên trạng, an toàn và thông suốt khi có nhu cầu thay đổi, nâng cấp nền tảng phần mềm quản trị.

PHẦN I

DUY TRÌ, CẬP NHẬT VÀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC THỬA ĐẤT NHÓM 1 VÀ LÀM GIÀU, LÀM SẠCH, HOÀN THIỆN THỬA ĐẤT NHÓM 2

I. Duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác thửa đất nhóm 1

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc duy trì, đảm bảo “đúng đủ sạch sống” đối với dữ liệu Nhóm 1 đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Duy trì, vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương; dữ liệu được đồng bộ theo thời gian thực lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (VNLIS).

b) Duy trì các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; sử dụng công cụ giám sát, cảnh báo chất lượng dữ liệu. Thiết lập và thực hiện nghiêm cơ chế phân quyền, kiểm soát truy cập, ghi nhật ký mọi thao tác đối với dữ liệu; định kỳ đánh giá, kiểm tra an ninh mạng, an toàn thông tin.

c) Rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên cơ sở sử dụng tối đa CSDL đất đai và CSDL quốc gia về dân cư. Cắt giảm thành phần hồ sơ giấy đối với các thông tin đã có trong CSDL (như thông tin cư trú, thông tin thửa đất đã số hóa); mở rộng danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thực hiện trực tuyến toàn trình.

d) Cập nhật dữ liệu đảm bảo “đúng đủ sạch sống” được thực hiện ngay trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; trường hợp khi người sử dụng đất thực hiện thủ tục hành chính mà phải tách thửa đất, hợp thửa đất hoặc thay đổi hình thể thửa đất thì tạo Mã định danh mới cho thửa đất trừ trường hợp vị trí địa lý của Mã định danh thửa đất đã có vẫn nằm trong thửa đất đó.

đ) Dữ liệu đất đai Nhóm 1 phải thường xuyên được kiểm tra, đánh giá, hoàn thiện để luôn được duy trì ở trạng thái “đúng - đủ - sạch - sống”.

e) Xây dựng và ban hành quy định quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật tại điểm 1 mục I và đảm bảo nguyên tắc 6 rõ: “ rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm và rõ thẩm quyền”.

II. Làm giàu, làm sạch, hoàn thiện, đối khớp, bổ sung thông tin với thửa đất thuộc nhóm 2

Bước 1: Công tác chuẩn bị

1. Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị điều kiện triển khai

a) Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên

quan đến công tác xây dựng, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu địa chính.

b) Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

c) Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác rà soát, đánh giá phân loại dữ liệu địa chính.

2. Thiết lập hệ thống để phân tích dữ liệu

a) Thiết lập hệ thống máy chủ, máy trạm và các thiết bị cần thiết, công cụ phần mềm để thực hiện truy vấn, phân tích, đánh giá dữ liệu.

a) Đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu trên môi trường phân tích dữ liệu.

3. Thu thập số liệu, tài liệu cần thiết để phục vụ công tác rà soát, phân tích số liệu

a) Thu thập tài liệu pháp lý có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu.

b) Thu thập báo cáo kết quả xây dựng, vận hành khai thác cơ sở dữ liệu.

c) Thu thập tài liệu, số liệu hồ sơ địa chính có liên quan.

Bước 2: Trích xuất, phân nhóm và tổng hợp kết quả phân nhóm dữ liệu

1. Trích xuất toàn bộ dữ liệu hiện có của từng thửa đất.

2. Phân nhóm chất lượng của dữ liệu Nhóm 2.

Các thửa đất thuộc Nhóm 2 được rà soát, phân loại thành các nhóm dữ liệu như sau:

a) Nhóm thửa đất có thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa được thực hiện hoặc đối khớp không thành công với CSDL quốc gia về dân cư.

b) Nhóm thửa đất chưa đủ các thành phần, nội dung theo quy định:

- Chưa có hoặc chưa liên kết với dữ liệu không gian của thửa đất;
- Chưa có hoặc chưa liên kết với dữ liệu phi cấu trúc của thửa đất;
- Chưa phân loại và ký số các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc theo quy định;
- Chưa lập và ký số Sổ địa chính;

- Chưa đủ các trường thông tin bắt buộc theo Phụ lục 01 đính kèm theo Hướng dẫn này.

c) Nhóm thửa đất chưa đúng về nội dung pháp lý, chưa phù hợp với hồ sơ, tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác lập.

3. Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát, phân loại dữ liệu

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố thực hiện tổng hợp các

biểu phân loại theo các nhóm thửa đất tại mục 2 Bước này và lập báo cáo kết quả tổng hợp phân loại nhóm thửa đất toàn tỉnh, thành phố.

b) Cục Quản lý đất đai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

- Thu nhận báo cáo kết quả phân loại nhóm thửa đất của 34 tỉnh, thành phố;
- Kiểm tra dữ liệu tổng hợp báo cáo theo biểu mẫu;
- Tổng hợp số liệu kết quả phân loại nhóm thửa đất toàn quốc;
- Lập báo cáo kết quả tổng hợp phân loại nhóm thửa đất toàn quốc.

Bước 3. Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu thửa đất thuộc Nhóm 2

1. Nhóm thửa đất có thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa được thực hiện làm sạch hoặc đối khớp không thành công với CSDL quốc gia về dân cư:

a) Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an đối với quy trình đối khớp làm sạch dữ liệu đất đai;

b) Kết quả đối khớp, xác minh thành công được cập nhật vào CSDL quốc gia về đất đai.

2. Nhóm thửa đất chưa đủ các thành phần, nội dung theo quy định:

a) Trường hợp chưa có hoặc chưa liên kết với dữ liệu không gian của thửa đất:

- Đối với khu vực đã được đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính mà chưa xây dựng dữ liệu không gian địa chính thì thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 9 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT;

- Đối với thửa đất có tài liệu theo quy định tại điểm b, c khoản 8 Điều 9 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT thì thực hiện theo quy trình về đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cập nhật vào CSDL quốc gia về đất đai;

- Đối với thửa đất đã có dữ liệu không gian nhưng chưa liên kết với dữ liệu thuộc tính địa chính thì thực hiện tạo liên kết.

b) Trường hợp chưa có hoặc chưa liên kết với dữ liệu phi cấu trúc của thửa đất:

Đối với thửa đất chưa có dữ liệu phi cấu trúc của thửa đất thì thực hiện xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT.

c) Trường hợp thửa đất chưa phân loại và ký số các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc (đối với tài liệu phải ký số) thì thực hiện tách các loại giấy tờ pháp lý và tài liệu kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT.

d) Trường hợp chưa lập Sổ địa chính ở dạng số thì thực hiện xuất Sổ địa chính theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT.

đ) Trường hợp chưa đủ các trường thông tin bắt buộc thì thực hiện nhập bổ sung hoàn thiện thông tin theo Phụ lục 01 kèm tại Hướng dẫn này.

e) Đối với nhóm thửa đất chưa đúng về nội dung pháp lý, chưa phù hợp với hồ sơ, tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác lập thì thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hồ sơ, tài liệu đó.

3. Siêu dữ liệu địa chính: cập nhật thông tin theo nội dung thay đổi.

Bước 4. Kiểm tra, đánh giá chất lượng

Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu thửa đất sau khi thực hiện bổ sung, hoàn thiện cần đảm bảo dữ liệu đáp ứng được yêu cầu của Nhóm 1.

Bước 5. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

1. Đối soát và ký số Sổ địa chính và dữ liệu phi cấu trúc

a) Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng, cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu.

b) Thực hiện ký số sổ địa chính; ký số vào các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc: Trường hợp chưa ký số các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc (đối với tài liệu phải ký số) thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 14 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT; Trường hợp chưa ký số Sổ địa chính thì thực hiện xuất sổ địa chính theo quy định tại khoản 2 Điều 12 và ký số Sổ địa chính theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT.

2. Tích hợp dữ liệu và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu ở địa phương

Tích hợp, đồng bộ dữ liệu đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

3. Đồng bộ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai ở Trung ương

a) Kích hoạt luồng kết nối và đồng bộ với CSDL quốc gia về đất đai.

b) Ký số gói tin truyền tải, đồng thời chủ động theo dõi nhật ký giám sát để phát hiện và xử lý dứt điểm các lỗi từ chối đồng bộ ngay tại nguồn.

c) Đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực (real-time) lên CSDL quốc gia về đất đai.

PHẦN II

ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI KHU VỰC CHƯA XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính với xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính

Bước 1. Chuẩn bị triển khai

1. Lập kế hoạch điều phối

a) Chủ đầu tư lập kế hoạch điều phối giữa các cơ quan, đơn vị gồm: cơ quan quản lý đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai, đơn vị giám sát, kiểm tra, đơn vị thi công, đơn vị phát triển phần mềm hệ thống xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và các cơ quan có liên quan. Trong đó, xác định cụ thể từng công đoạn cần thực hiện, các nội dung công việc lồng ghép, thời gian triển khai và hoàn thành từng nội dung, nhiệm vụ, sự phối hợp giữa các bên có liên quan trong triển khai nhiệm vụ.

b) Kế hoạch điều phối được phê duyệt và gửi đến các đơn vị liên quan để thống nhất trước khi triển khai.

2. Chuẩn bị kỹ thuật và hạ tầng

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra khả năng vận hành của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu đất đai, bảo đảm kết nối thông suốt giữa đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát, kiểm tra, Văn phòng đăng ký đất đai và UBND cấp xã.

b) Đơn vị thi công chuẩn bị nhân lực, thiết bị, vật tư, vật liệu đo đạc, kiểm định máy, xác định khu vực thi công, phương pháp thi công, tỷ lệ bản đồ, lập lưới địa chính và lưới khống chế đo vẽ (nếu cần).

3. Chuẩn bị hồ sơ và thông báo

a) Đơn vị thi công thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ đo đạc và lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

b) Đơn vị thi công phối hợp với UBND cấp xã, cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương, Văn phòng đăng ký đất đai lập kế hoạch, thông báo công khai cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người được giao đất để quản lý (sau đây gọi là người sử dụng đất) thời gian, địa điểm đo đạc và đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; hướng dẫn người sử dụng đất chuẩn bị các giấy tờ liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để cung cấp cho đơn vị thi công trong quá trình xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, đo đạc ranh giới thửa đất.

Bước 2. Đo đạc và thu thập thông tin thửa đất

1. Xác định ranh giới thửa đất

a) UBND cấp xã cử người dẫn đạc, cùng xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa.

b) Đơn vị thi công phối hợp với người dẫn đạc làm việc trực tiếp với người sử dụng đất và hộ liên kề để xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; lập Bản mô tả ranh giới, mốc giới; ghi nhận tình trạng tranh chấp, vắng mặt hoặc không ký xác nhận (nếu có).

2. Thu thập hồ sơ và thông tin hiện trạng

Đơn vị thi công thu thập bản sao (bản photocopy) các giấy tờ về quyền sử dụng đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng và tài sản gắn liền với đất; ghi nhận thông tin về loại đất, mục đích sử dụng, hiện trạng công trình, tài sản.

Trường hợp, hồ sơ và thông tin hiện trạng của thửa đất đã thực hiện thu thập tại Mục II phần này thì không phải thu thập mà thực hiện đo đạc chi tiết thửa đất.

3. Đo đạc chi tiết

a) Đơn vị thi công đo chi tiết ranh giới thửa đất, nhà ở, công trình xây dựng và các đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất theo ranh giới đã xác định; lập nhật ký trạm đo; ghi nhận thông tin người sử dụng đất, loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và hiện trạng tài sản gắn liền với đất.

b) Việc đo đạc chi tiết cần được tính toán để đảm bảo hoàn thành theo từng mảnh bản đồ địa chính.

4. Hướng dẫn người sử dụng đất viết đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.

Đơn vị thi công hướng dẫn người sử dụng đất viết và thu thập Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định; trường hợp còn thiếu thông tin thì được bổ sung khi xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

Bước 3. Xử lý nội nghiệp, lập bản đồ và xây dựng dữ liệu địa chính

1. Xử lý số liệu và biên tập bản đồ

Đơn vị thi công xử lý số liệu đo đạc ngay trong ngày, cập nhật vào tệp định dạng theo từng mảnh bản đồ; biên tập mảnh bản đồ địa chính, tính diện tích, kiểm tra giới hạn sai số; trình bày khung bản đồ, nhãn thửa và các yếu tố bản đồ theo quy định.

2. Tạo lập dữ liệu địa chính

Đơn vị thi công xây dựng dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và dữ liệu phi cấu trúc của thửa đất; bảo đảm đầy đủ thông tin về người sử dụng đất, loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng, tài sản gắn liền với đất và các tài liệu quét theo mảnh bản đồ đã biên tập; lập Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất hoặc Phiếu đo đạc chỉnh lý chuyên cho người sử dụng đất xác nhận; chỉnh sửa, hoàn thiện dữ liệu theo ý kiến của người sử dụng đất (nếu có).

3. Tạo lập Mã định danh thửa đất

Đơn vị thi công tạo lập Mã định danh cho thửa đất theo hướng dẫn tại Phụ lục 01 Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai **hoặc** thay thế Mã định danh thửa đất đã được tạo lập tại Mục II của Phần này.

4. Lập hồ sơ địa chính dạng số

Đơn vị thi công lập Sổ mục kê đất đai và Sổ địa chính dạng số đối với thửa đất đã đăng ký, đã cấp Giấy chứng nhận và chuyển Văn phòng đăng ký đất đai để đối soát, ký số.

5. Hoàn thiện dữ liệu địa chính

Đơn vị thi công xây dựng, chỉnh lý dữ liệu không gian đất đai nền; hoàn thiện dữ liệu địa chính theo mảnh bản đồ địa chính.

6. Kiểm tra chất lượng và hoàn thiện sản phẩm của đơn vị thi công

Đơn vị thi công tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công đối với các sản phẩm theo quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của địa phương; chuyển kết quả theo mảnh bản đồ địa chính cho đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư.

Bước 4. Kiểm tra cấp chủ đầu tư

Đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư giám sát việc thực hiện các nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính theo kế hoạch thi công đã được phê duyệt; kiểm tra chất lượng, xác nhận khối lượng sản phẩm của đơn vị thi công theo từng mảnh bản đồ để đơn vị thi công bàn giao cho Văn phòng đăng ký đất đai đối với những sản phẩm đạt yêu cầu theo quy định; trường hợp sản phẩm chưa đạt yêu cầu thì đơn vị thi công tiếp tục hoàn thiện theo quy định.

Bước 5. Kiểm tra, đối soát và tích hợp vào cơ sở dữ liệu

Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận sản phẩm từ đơn vị thi công và thực hiện đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu với mảnh bản đồ, dữ liệu phi cấu trúc do đơn vị thi công thực hiện; ký số sổ địa chính, ký số vào các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc và tích hợp dữ liệu thửa đất đã đối soát đạt yêu cầu vào hệ thống phần mềm vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Việc đối soát, ký số, tích hợp dữ liệu được thực hiện ngay sau khi nhận được sản phẩm bàn giao của đơn vị thi công để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu địa chính; trường hợp chưa sản phẩm chưa đạt yêu cầu theo quy định thì trả cho đơn vị thi công để hoàn thiện, chỉnh sửa lại.

Bước 6. Đăng ký đất đai, hoàn thiện hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận

Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận thì:

1. Đơn vị thi công phân loại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và chuyển cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định; rà soát, hoàn thiện, đóng gói sản phẩm giao nộp theo quy định.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận theo thẩm quyền, tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và thực hiện lồng ghép các bước đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính gắn với ứng dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử, trao đổi dữ liệu trực tuyến giữa các cơ quan.

Bước 7. Đối soát, ký số, xây dựng siêu dữ liệu địa chính, tích hợp cơ sở dữ liệu và nghiệm thu

1. Đối soát và ký số

Văn phòng đăng ký đất đai đối soát thông tin thửa đất với bản đồ và dữ liệu phi cấu trúc; ký số Sổ địa chính và tài liệu quét; tích hợp dữ liệu vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Kiểm tra chất lượng và nghiệm thu

Đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng theo các hạng mục quy định; chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu và xác nhận khối lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

3. Bàn giao và đưa vào vận hành

Đơn vị thi công bàn giao đầy đủ dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc, siêu dữ liệu địa chính, bản đồ, sổ mục kê và sổ địa chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường đưa dữ liệu vào vận hành trên hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính và tiến hành thanh quyết toán toàn bộ công trình cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng (nếu có).

II. QUY TRÌNH TẠO LẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU THEO PHƯƠNG ÁN ĐỊNH VỊ THỬA ĐẤT

Quy trình này được áp dụng đối với khu vực phải đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai mà đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục để triển khai.

Bước 1: Công tác chuẩn bị

1. Công tác chuẩn bị

a) Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan.

b) Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

c) Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác tạo lập cơ sở dữ liệu theo phương án định vị thửa đất.

2. Thu thập số liệu, tài liệu

- Các thông tin tài liệu, số liệu đã được thu thập trong Kế hoạch 515/BCA-BNNMT;
- Bản đồ kiểm kê đất đai năm 2024 của các xã, phường, đặc khu;
- Các nguồn tài liệu nền ảnh khác như Google Map, Ảnh vệ tinh, UAV, ảnh hàng không...

Tạo lập lớp dữ liệu nền (bao gồm: các đối tượng địa vật, giao thông, thủy hệ, nền ảnh,...) theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã. Chuẩn bị lớp dữ liệu khoanh đất của bản đồ kiểm kê đất đai của đơn vị hành chính cấp xã tương ứng. Kiểm tra, rà soát đảm bảo 2 lớp dữ liệu đã thống nhất về hệ quy chiếu, hệ tọa độ, nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin đã đảm bảo theo đúng quy định.

Lập kế hoạch đi điều tra thực địa, chuẩn bị biểu mẫu thu thập thông tin theo Phụ lục 3 kèm theo.

Bước 2. Xác định các khoanh đất thuộc khu vực chưa có cơ sở dữ liệu đất đai

1. Thực hiện phép chồng xếp (overlay) không gian giữa lớp thửa đất hiện có trong cơ sở dữ liệu đất đai và lớp khoanh đất của bản đồ kiểm kê đất đai.

2. Tạo lớp dữ liệu các khoanh đất thuộc các khu vực chưa có cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 3. Định vị thửa đất cho mỗi khoanh đất

1. Định vị thửa đất từ các nguồn tài liệu đo đạc, Google Map, Ảnh vệ tinh, UAV, ảnh hàng không, phần mềm xây dựng CSDL của địa phương...:

- a) Chồng xếp các nguồn tài liệu nêu trên lên lớp dữ liệu khoanh đất.
- b) Định vị sơ bộ vị trí của thửa đất trong khoanh đất (thửa đất định vị dạng điểm).
- c) Xây dựng Mã định danh thửa đất từ điểm định vị bằng phần mềm xây dựng CSDL của địa phương.
- d) Biên tập, in bản đồ (bao gồm: khoanh đất, thửa đất định vị dạng điểm, các đối tượng địa vật, giao thông, thủy hệ, nền ảnh,...) hoặc sử dụng bản đồ số để phục vụ xác định vị trí thửa đất tại địa bàn.

2. Người sử dụng đất/UBND cấp xã xác nhận vị trí thửa đất theo điểm định vị thửa đất.

3. Thu thập thông tin thửa đất, người sử dụng đất và giấy tờ liên quan

a) Đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận: Tổ chức thu thập Giấy chứng nhận (nếu thông tin về thửa đất đã được thu thập, quét, nhập trong quá trình triển khai Kế hoạch 515/KH-BCA-BNNMT thì kế thừa sử dụng thông tin này).

b) Đối với thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận: Phát và thu thập thông tin về thửa đất theo Mẫu thu thập thông tin thửa đất tại Phụ lục 03.

Khi thửa đất có nhiều người sử dụng đất hoặc nhiều người được Nhà nước giao quản lý đất thì ghi nhận đầy đủ danh sách.

d) Khuyến khích sử dụng các công nghệ mới như GPS, ứng dụng di động,... để xác định vị trí thửa đất và thu thập các thông tin tại Phụ lục 3 kèm theo.

Bước 4: Số hóa, tạo lập CSDL đối với thửa đất đã định vị

1. Quét (scan)/Chụp Giấy chứng nhận, thẻ căn cước/CCCD và xử lý theo quy định về dữ liệu đất đai phi cấu trúc. Giấy chứng nhận và thẻ căn cước/CCCD được quét/chụp mỗi tài liệu thành 01 file PDF.

2. Nhập thông tin theo Biểu mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Hướng dẫn vào Cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận thì thông tin được nhập từ Phiếu thu thập thông tin tại Phụ lục 03.

Bước 5: Xác thực thông tin chủ sử dụng qua CSDL quốc gia về dân cư

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Công an tỉnh (PC06) để thực hiện đối khớp, xác thực thông tin, dữ liệu của Chủ sử dụng đất, Chủ sở hữu nhà ở trên CSDL hiện có với CSDL quốc gia về dân cư.

Bước 6: Đồng bộ CSDL đất đai của tỉnh về Trung ương

Đồng bộ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai ở Trung ương

1. Kích hoạt luồng kết nối và đồng bộ với CSDL quốc gia về đất đai.
2. Ký số gói tin truyền tải, đồng thời chủ động theo dõi nhật ký giám sát để phát hiện và xử lý dứt điểm các lỗi từ chối đồng bộ ngay tại nguồn.
3. Đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực (real-time) lên CSDL quốc gia về đất đai.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và các đơn vị liên quan căn cứ điều kiện thực tế để tổ chức triển khai Kế hoạch 2959/KH-BNNMT-BCA đảm bảo mục tiêu và tiến độ đề ra.

Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm quản lý đất đai tại địa phương để có công cụ nhập dữ liệu, liên kết hồ sơ số, tra cứu theo Mã định danh thửa đất.

Sở Nông nghiệp và Môi trường lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan để phối hợp triển khai, tránh trùng lặp đầu tư; định kỳ hàng tuần báo cáo kết quả và kịp thời phản ánh vướng mắc về Bộ NN&MT để hướng dẫn, giải quyết.

Khi khu vực đã được đo đạc bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đầy đủ, toàn bộ dữ liệu tạm thời phải được rà soát, đối soát, chuyển đổi và cập nhật sang quản lý theo thửa đất chính thức, trường hợp phát sinh sai khác phải lập danh sách xử lý riêng./.

CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

PHỤ LỤC 02

CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU TẠO LẬP THEO PHƯƠNG ÁN ĐỊNH VỊ THỬA ĐẤT

Các trường dữ liệu (cột thông tin trong Excel của Mẫu số 01, Phụ lục 03 của Công văn số 2071/QLĐĐ-TKKTĐTĐĐ) được nhập như sau:

Nhóm dữ liệu	STT trường thông tin	Tên trường thông tin	Mô tả chi tiết trường thông tin	Yêu cầu nhập thông tin
	1	Mã ĐVHC cấp xã	Là mã ĐVHC cấp xã của địa chỉ thửa đất theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, sẽ được gán sau khi chuẩn hóa thông tin nhập liệu trong phạm vi cấp xã/phường/đặc khu	Bắt buộc
	2	Số phát hành GCN	Là số phát hành phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bắt buộc
	3	Ngày cấp GCN	Là ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bắt buộc
	4	Số vào sổ GCN	Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bắt buộc
Thông tin về tổ chức sử dụng đất	5	Tên tổ chức	Là tên tổ chức sử dụng, quản lý đất	Bắt buộc
	6	Số định danh tổ chức	Là số định danh tổ chức sử dụng, quản lý đất do Cơ quan công an cấp theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử	Nếu có
Thông tin về chủ sử dụng/người đại diện theo pháp luật của tổ chức	7	Họ và tên chủ sử dụng/ Họ tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức	Là họ và tên của chủ sử dụng/người đại diện của tổ chức sử dụng đất	Bắt buộc

Nhóm dữ liệu	STT trường thông tin	Tên trường thông tin	Mô tả chi tiết trường thông tin	Yêu cầu nhập thông tin
	8	Số định danh cá nhân/CCCD	Là số định danh cá nhân của chủ sử dụng/người đại diện của tổ chức sử dụng, quản lý đất	Bắt buộc
	9	Ngày, tháng, năm sinh	Là ngày tháng năm sinh của chủ sử dụng/người đại diện của tổ chức sử dụng, quản lý đất	Nếu có
	10	Giới tính	Là giới tính của chủ sử dụng/người đại diện của tổ chức sử dụng, quản lý đất	Nếu có
	11	Địa chỉ thường trú của chủ sử dụng đất	Là địa chỉ thường trú của chủ sử dụng/người đại diện của tổ chức sử dụng, quản lý đất	Nếu có
	12	Pháp nhân trên Giấy chứng nhận	Là hình thức sử dụng đất/sở hữu tài sản của đối tượng được cấp Giấy chứng nhận. Nhập một trong những giá trị sau: Cá nhân, hộ gia đình, vợ, chồng, đồng sử dụng, cộng đồng dân cư, tổ chức.	Bắt buộc
	13	Vai trò pháp nhân trên Giấy chứng nhận	Là vai trò của từng chủ sử dụng đất/sở hữu tài sản theo hình thức cấp giấy. Nhập một trong những giá trị sau: Cá nhân, Chủ hộ, Chồng, Vợ, Người đại diện, thành viên.	Bắt buộc
Thông tin người sử dụng đất hiện tại (trường hợp không phải là chủ sử dụng pháp lý)	14	Tên người sử dụng đất, nhà ở hiện tại	Là người đang sử dụng đất hiện tại mà không phải là chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận	Nếu có
	15	Số định danh cá nhân (CCCD)	Số CCCD, định danh cá nhân, số căn cước	Nếu có
	16	Địa chỉ người sử dụng (2 cấp)	Địa chỉ của người sử dụng đất theo hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp. Phân ngăn cách giữa các thành phần của địa chỉ là dấu phẩy (.). Ví dụ: số 9, ngõ 78, đường Giải Phóng, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.	Nếu có

Nhóm dữ liệu		STT trường thông tin	Tên trường thông tin	Mô tả chi tiết trường thông tin	Yêu cầu nhập thông tin
		17	Lý do thay đổi (thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng...	Lý do thay đổi chủ sử dụng gần nhất của thửa đất : nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận chuyển nhượng...	Nếu có
Thông tin thửa đất		18	Mã định danh thửa đất	Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc do phần mềm quản lý đất đai khởi tạo, áp dụng đối với các thửa đất có dữ liệu không gian địa chính. Nguyên tắc và quy trình xây dựng mã định danh thửa đất được quy định tại Công văn số 2001/QLĐĐ -TKKKTĐĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý đất đai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nếu có
		19	Số tờ bản đồ trên Giấy chứng nhận	Là số hiệu tờ bản đồ của thửa đất thể hiện trên Giấy chứng nhận	Trường hợp chưa xác định được trên bản đồ địa chính
		20	Số thứ tự thửa đất trên Giấy chứng nhận	Là số thứ tự thửa đất của thửa đất thể hiện trên Giấy chứng nhận	Trường hợp chưa xác định được trên bản đồ địa chính
		21	Số hiệu tờ bản đồ trên bản đồ địa chính	Trường hợp số tờ bản đồ thể hiện trên giấy chứng nhận là bản đồ địa chính hoặc số tờ bản đồ được xác định trên bản đồ địa chính	Trường hợp đã xác định được trên bản đồ địa chính

Nhóm dữ liệu		STT trường thông tin	Tên trường thông tin	Mô tả chi tiết trường thông tin	Yêu cầu nhập thông tin
		22	Số thứ tự thửa đất trên bản đồ địa chính	Trường hợp số thứ tự thửa đất thể hiện trên giấy chứng nhận là bản đồ địa chính hoặc số thứ tự thửa đất được xác định trên bản đồ địa chính	Trường hợp đã xác định được trên bản đồ địa chính
		23	Địa chỉ thửa đất	Là địa chỉ chi tiết của thửa đất trên giấy chứng nhận theo hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp. Địa chỉ chỉ nhập đến địa chỉ chi tiết (thôn, xóm, đội, phun, sóc, bản, số nhà, tổ dân phố, đường phố ...Không nhập tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh), phân ngăn cách giữa các thành phần của địa chỉ là dấu phẩy (.). Ví dụ: số 9, ngõ 78, đường Giải Phóng.	Bắt buộc
		24	Diện tích thửa đất	Là diện tích của thửa đất được cấp trên giấy chứng nhận	Bắt buộc
	Loại đất 1 (Mục đích sử dụng)	25	Loại đất (mục đích sử dụng)	Là loại đất của thửa đất được cấp giấy chứng nhận	Bắt buộc
		26	Diện tích	Là diện tích của loại đất của thửa đất được cấp trên giấy chứng nhận	Bắt buộc
		27	Nguồn gốc sử dụng	Là nguồn gốc sử dụng đất của loại đất của thửa đất được cấp giấy chứng nhận	Bắt buộc
		28	Hình thức sử dụng	Là hình thức sử dụng đất của loại đất của thửa đất được cấp giấy chứng nhận	Bắt buộc
		29	Thời hạn sử dụng	Là thời hạn sử dụng đất của loại đất của thửa đất được cấp giấy chứng nhận	Bắt buộc
	Loại đất 2 (	30	Loại đất (mục đích sử dụng)	Trường hợp một thửa đất có 02 loại đất thì cách thức nhập cho loại đất thứ hai như loại đất thứ nhất	Nếu có

Nhóm dữ liệu		STT trường thông tin	Tên trường thông tin	Mô tả chi tiết trường thông tin	Yêu cầu nhập thông tin
	Mục đích sử dụng)	31	Diện tích	Trường hợp một thửa đất có 02 loại đất thì cách thức nhập cho diện tích loại đất thứ hai như loại đất thứ nhất	Nếu có
		32	Nguồn gốc sử dụng	Trường hợp một thửa đất có 02 loại đất thì cách thức nhập cho nguồn gốc sử dụng đất thứ hai như loại đất thứ nhất	Nếu có
		33	Hình thức sử dụng	Trường hợp một thửa đất có 02 loại đất thì cách thức nhập cho hình thức sử dụng thứ hai như loại đất thứ nhất	Nếu có
		34	Thời hạn sử dụng	Trường hợp một thửa đất có 02 loại đất thì cách thức nhập cho thời hạn sử dụng thứ hai như loại đất thứ nhất	Nếu có
	Loại đất 3 (Mục đích sử dụng)	35	Loại đất (mục đích sử dụng)	Trường hợp một thửa đất có 03 loại đất thì cách thức nhập cho loại đất thứ ba như loại đất thứ nhất	Nếu có
		36	Diện tích	Trường hợp một thửa đất có 03 loại đất thì cách thức nhập cho diện tích loại đất thứ ba như loại đất thứ nhất	Nếu có
		37	Nguồn gốc sử dụng	Trường hợp một thửa đất có 03 loại đất thì cách thức nhập cho nguồn gốc sử dụng đất thứ ba như loại đất thứ nhất	Nếu có
		38	Hình thức sử dụng	Trường hợp một thửa đất có 03 loại đất thì cách thức nhập cho hình thức sử dụng thứ ba như loại đất thứ nhất	Nếu có
		39	Thời hạn sử dụng	Trường hợp một thửa đất có 03 loại đất thì cách thức nhập cho thời hạn sử dụng thứ ba như loại đất thứ nhất	Nếu có
Lưu ý: Trường hợp thửa đất có 04 loại đất thì đơn vị nhập dữ liệu tự động thêm vào mẫu Excel 04 cột (Loại đất, Diện tích, Nguồn gốc sử dụng, Hình thức sử dụng, Thời hạn sử dụng) tiếp theo cột cuối cùng của loại đất thứ 03 của thửa đất và nhập dữ liệu tương tự như cách đối với loại đất thứ nhất.					
Thông tin nhà ở	40	Loại tài sản gắn liền với đất	Là loại tài sản gắn liền với đất, gồm: Nhà ở riêng lẻ, Căn hộ chung cư,...	Nếu có	

Nhóm dữ liệu	STT trường thông tin	Tên trường thông tin	Mô tả chi tiết trường thông tin	Yêu cầu nhập thông tin
	41	Khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp	Là tên khu nhà chung cư, hỗn hợp	Nếu có
	42	Nhà chung cư	Là tên nhà chung cư	Nếu có
	43	Số căn hộ	Là số căn hộ chung cư	Nếu có
	44	Diện tích xây dựng	Là diện tích xây dựng của tài sản	Nếu có
	45	Diện tích sàn	Là diện tích sàn của tài sản	Nếu có
	46	Hình thức sở hữu	Là hình thức sở hữu của chủ sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất	Nếu có
	47	Thời hạn sở hữu	Là thời gian sở hữu của chủ sở hữu đối với tài sản	Nếu có
	48	Cấp hạng	Là cấp hạng của tài sản gắn liền với đất	Nếu có
Thông tin HSQ	49	Tên file quét GCN/CCCD	Giấy chứng nhận và CCCD được quét và lưu trữ mỗi loại giấy tờ thành 01 file dưới định dạng PDF không chỉnh sửa được, đặt tên theo số phát hành GCN, ví dụ: DD 949969-GCN.pdf, DD 949969-GT.pdf	Bắt buộc
Phân loại thửa đất	50	Phân loại thửa đất	Thửa đất Loại 4 là thửa đất định vị đã được cấp GCN; thửa đất Loại 5 là thửa đất định vị chưa được cấp GCN.	Bắt buộc

Ghi chú:

- Trường hợp thửa đất có cùng loại đất nhưng khác nhau về hình thức sử dụng, nguồn gốc sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất thì nhập tiếp theo vào loại đất 2, loại đất 3... Ví dụ: thửa số 1, tờ bản đồ số 1 có 40 mét vuông đất ở có nguồn gốc là công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, có 10 mét vuông đất ở có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Khi nhập vào Excel thì loại đất 1 nhập cho loại đất

ở với diện tích 40 mét vuông và các giá trị tương ứng kèm theo, loại đất 2 cũng nhập cho loại đất ở có diện tích 10 mét vuông và các giá trị tương ứng kèm theo.;

- Định dạng dữ liệu ngày, tháng, năm trường hợp đầy đủ thông tin là [ngày/tháng/năm] (DD/MM/YYYY); định dạng diện tích (phần thập phân) là dấu chấm [.], ví dụ: 452.23; định dạng tên file hồ sơ scan/chụp là chữ in hoa đồng nhất với số phát hành giấy chứng nhận, ví dụ: CA 123456-GCN.pdf; định dạng hình thức sử dụng là [Sử dụng chung] hoặc [Sử dụng riêng], hình thức sở hữu là [Sở hữu chung], [Sở hữu riêng]; loại đất là dạng ký hiệu hoặc dạng chữ, ví dụ [ODT] hoặc [Đất ở đô thị]; số hiệu tờ bản đồ địa chính, số thứ tự thửa đất phải là số nguyên, ví dụ [100], không nhập dạng [100.00] hoặc [100a]; giới tính nhập theo định dạng [Nam] hoặc [Nữ].

PHỤ LỤC 03
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất:

a) Họ và tên người đại diện :.....

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:

c) Địa chỉ:.....

2. Thông tin thửa đất:

a) Thửa đất số (nếu có):; 2.2. Tờ bản đồ số (nếu có):

b) Địa chỉ:

c) Diện tích: m²

d) Sử dụng vào mục đích:

e) Nguồn gốc sử dụng đất:

3. Những giấy tờ nộp kèm theo:

(1)

(2)

(3)

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung cung cấp trên Phiếu là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày tháng... năm ...

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 01

CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH BẮT BUỘC THUỘC NHÓM 1

- Căn cứ: Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

- Nội dung làm việc tổ kỹ thuật giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12), Cục Chuyển đổi, Cục Quản lý đất đai và các đơn vị phát triển phần mềm LIS (VBDLIS, VNPT-iLIS, Viettel.

BẢNG MÔ TẢ CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH BẮT BUỘC THUỘC NHÓM 1:

1. Dữ liệu thuộc tính đất đai

1.1. Dữ liệu thuộc tính địa chính

1.1.1. Nhóm dữ liệu về thửa đất

a) Dữ liệu về thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	thuaDatID	String		x	x	ID duy nhất của bảng dữ liệu thửa đất trong CSDL.
						Trong TH thửa đất có nhiều phiên bản nhưng CSDL địa phương sử dụng chung ID thì ĐP gen ID theo quy tắc: [ID thửa đất trùng]_version
						Vd: 123456_1; 123456_2
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1	x		Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã thửa đất	maThuaDat	String	10	x		12 ký tự được mã hóa theo vị trí địa lý trong hệ tọa độ quốc tế WGS84 của thửa đất. Mã định danh thửa đất được mã hóa theo tọa độ địa lý (vĩ độ và kinh độ)

Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Integer	4	x	x	Là số hiệu bản đồ
Số hiệu tờ bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	String	50			Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
Số thửa đất	soThuTuThua	Integer	5	x	x	Là số thứ tự thửa đất
Số thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	String	50			Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là m²
Diện tích pháp lý	dienTichPhapLy	Real				Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này.
						Đơn vị tính là m²
Ghi chú diện tích	ghiChuDienTich	String	255			thể hiện ghi chú diện tích thửa đất nằm trên nhiều ĐVHC
Tài liệu đo đạc	maTaiLieuDoDac	Integer				Là mã tài liệu trong bảng danh mục DM_LoaiTaiLieuDoDacDiaChinh
Là đối tượng chiếm đất	laDoiTuongChiemDat	Boolean				0: Là thửa đất
						1: Là đối tượng địa lý hình tuyến
Địa chỉ	diaChiID				x	ID địa chỉ thửa đất liên kết đến thẻ Địa chỉ
Trạng thái đăng ký	trangThaiDangKy	Integer	1			Là mã trạng thái đăng ký tình trạng pháp lý quyền của thửa đất trong bảng danh mục DM_LoaiTrangThaiDangKyCapGCN
Loại thửa đất	loaiThuaDat	Integer	1			Là mã loại thửa đất quy định tại TT05 về quy trình xây dựng CSDL đất đai trong bảng danh mục DM_LoaiThuaDat
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên thể hiện thông tin phiên bản của thửa đất (mỗi lần biến động của thửa đất có 1 số).
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
						0: false; 1: true
b) Dữ liệu về loại đất của thửa đất						
Trường thông tin				Bắt buộc		

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	Mô tả
Mã đối tượng	mucDichSuDungDatID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thửa đất	thuaDatID	String	10			Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu thửa đất
Số thứ tự loại đất	soThuTuLoaiDat	Integer	1			Là số thứ tự của loại đất theo thửa
Mã loại đất	maLoaiDat	String	3	x	x	Là mã loại đất được xác định trong bảng danh mục loại đất
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	maMDSDQH	String	3			Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch được xác định trong bảng mã
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích của loại đất, đơn vị tính là m²
Thời hạn sử dụng	thoiHanSuDung	String	50	x		Là thông tin về thời hạn sử dụng thực tế
Ngày hạn sử dụng	ngayHanSuDung	Date	20			Là ngày hạn sử dụng xác định đến ngày, tháng, năm hạn sử dụng đất
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Integer				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất
c) Dữ liệu về nguồn gốc sử dụng						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nguồnGocID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nguồn gốc sử dụng đất đăng ký	nguồnGocDangKy	String	255			Là nguồn gốc sử dụng đất trong trường hợp đăng ký sử dụng đất nhưng chưa hoặc không cấp Giấy chứng nhận ví dụ: “Sử dụng đất từ năm 1984, do tự khai phá (hoặc do Ông cha để lại, do nhận chuyển nhượng, được Nhà nước giao không thu tiền ...)”;
Nguồn gốc sử dụng đất cấp giấy lần đầu	nguồnGocCapGiayLanDau	String	20	x	x	Là mã nguồn gốc sử dụng đất được xác định khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu, xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Nguồn gốc sử dụng đất biến động	nguồnGocBienDong	String	255			Là nguồn gốc sử dụng đất thể hiện hình thức nhận chuyển quyền (nếu có), xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng

Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích nguồn gốc
d) Dữ liệu về bảng tài liệu đo đạc						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5		x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Loại bản đồ địa chính	loaiBanDoDiaChinh	Integer	1		x	Là loại bản đồ địa chính nằm trong bảng danh mục
Loại hình đo đạc	hinhThucDoDac	Integer	1			Là loại hình đo đạc nằm trong bảng danh mục (đo mới, đo bổ sung, đo chỉnh lý, trích đo địa chính...)
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	String	100			Là tên đơn vị đo đạc
Phương pháp đo	phuongPhapDo	String	100			Là phương pháp đo đạc
Mức độ chính xác	mucDoChinhXac	String	30			Là mức độ chính xác
Tỷ lệ đo đạc	tyLeDoDac	String	20		x	Là các tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000, 1/10000
Ngày hoàn thành	ngayHoanThanh	Date	10			Là ngày hoàn thành đo đạc
Phiên bản thừa đất	phienBanThuaDat	Integer				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất
3.1.2. Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1)						
a) Dữ liệu về cá nhân						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	

Mã đối tượng	caNhanID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
mã loại đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoiDoiTuongQuanLy
Họ và tên	hoTen	String	150	x	x	Là họ và tên của người ghi trong giấy tờ nhân thân.
Ngày tháng năm sinh	ngaySinh	Date	10			Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có)
						Định dạng: yyyy-MM-dd
Năm sinh	namSinh	Integer	4		x	Năm sinh
Giới tính	gioiTinh	Integer	1		x	Thể hiện giới tính của cá nhân (0 là nữ, 1 là nam và 2 là giới tính khác)
Mã số thuế	maSoThue	String	20			Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Quốc tịch	Chi tiết tại nhóm thông tin về quốc tịch				x	Liên kết sang dữ liệu quốc tịch của đối tượng là cá nhân
Dân tộc	Chi tiết tại nhóm thông tin về dân tộc				x	Liên kết sang dữ liệu dân tộc của đối tượng là cá nhân
Địa chỉ	diaChiID	String	150		x	Là thông tin về địa chỉ của đối tượng là cá nhân
Phiên bản	phienBan	Integer			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
b) Dữ liệu về hộ gia đình						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hoGiaDinhID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chủ hộ	chuHoID	String		x	x	Là người có vai trò là chủ hộ. Một hộ gia đình có duy nhất một người là chủ hộ

Vợ hoặc chồng	voChongID	String				Là người có vai trò là vợ hoặc chồng đối với chủ hộ
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân			x	x	Là các thành viên của hộ gia đình
Địa chỉ	diaChiID	String	150	x	x	Là thông tin về địa chỉ của hộ gia đình
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của hộ gia đình
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
c) Dữ liệu về vợ chồng						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	voChongID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vợ	voID	String		x	x	Là người có vai trò là vợ
Chồng	chongID	String		x	x	Là người có vai trò là chồng
Đại diện vợ chồng	daiDienVoChong	Integer	1			Là thông tin chọn ai là người đại diện để hiển thị lên giấy chứng nhận trong trường hợp vợ/chồng thoả thuận chỉ đứng tên 1 người
						0: Chồng
						1: Vợ
						null: Không có người đại diện
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của vợ chồng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
d) Dữ liệu về tổ chức						
Trường thông tin			Độ dài	Bắt buộc		

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Loại dữ liệu trường	Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	Mô tả
Mã đối tượng	toChucID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoiDoiTuongQuanLy
Tên tổ chức	tenToChuc	String	120	x	x	Là tên của tổ chức
Tên viết tắt	tenVietTat	String	30			Là tên viết tắt của tổ chức
Tên tổ chức bằng tiếng Anh	tenToChucTA	String	120			Là tên của tổ chức bằng tiếng Anh (nếu có)
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String				Là người đại diện theo pháp luật
Số quyết định	soQuyetDinh	String	30			Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Ngày quyết định	ngayQuyetDinh	Date				Là ngày ra quyết định thành lập hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức.
Loại quyết định thành lập	loaiQuyetDinhThanhLap	String	30			Là thông tin phân loại quyết định thành lập tổ chức.
Mã số doanh nghiệp	maDoanhNghiep	String	30			Là mã số doanh nghiệp
Mã số thuế	maSoThue	String	20			Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Địa chỉ	diaChiID	String	150	x	x	Là thông tin về địa chỉ của tổ chức
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
đ) Dữ liệu về cộng đồng dân cư						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài	Bắt buộc		Mô tả

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	Mô tả
Mã đối tượng	congDongID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoiDoiTuongQuanLy
Tên cộng đồng	tenCongDong	String	120	x	x	Là tên của cộng đồng dân cư
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String				Là người đại diện theo pháp luật
Địa danh cư trú	diaChiID	String	150	x	x	Là địa danh cư trú của cộng đồng dân cư
Phiên bản	phienBan	Integer			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cộng đồng dân cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
e) Dữ liệu về nhóm người đồng sử dụng						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nhomNguoiID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String		x	x	ID của người đại diện nhóm đồng sử dụng theo loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC... trong bảng danh mục DM_LoiDoiTuong
Mã loại đối tượng của người đại diện	maLoaiDoiTuong	String	5	x	x	mã loại đối tượng của người đại diện nhóm đồng sử dụng trong bảng danh mục DM_LoiDoiTuong
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân, hộ gia đình, vợ chồng, tổ chức			x	x	Là các thành viên còn lại của nhóm
Phiên bản	phienBan	Integer			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhóm người đồng sử dụng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

g) Dữ liệu về địa chỉ (Bắt buộc)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	diaChiID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính	maXa	String	5	x	x	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	50			Là địa chỉ chi tiết gồm: số nhà (nếu có); trường hợp địa chỉ là căn hộ chung cư hoặc tập thể thì xác định số nhà là số hiệu căn hộ/số hiệu toà nhà; tên ngõ phố, ngách, hẻm (nếu có); xử đồng đối với thửa đất có loại đất là đất nông nghiệp
Đường phố	tenDuongPho	String	50			Là tên đường, tên phố (nếu có)
Tổ dân phố	tenToDanPho	String	30			Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
Tên đơn vị hành chính cấp xã	tenDVHCXa	String	30		x	Là tên xã hoặc phường hoặc thị trấn
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDVHCHuyen	String	30			Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDVHCTinh	String	30		x	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương.
Mã địa chỉ số	maDiaChiSo	String				Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Phiên bản	phienBanDoiTuong	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của đối tượng
						Mặc định là 1 theo hướng dẫn chuyển đổi của Cục
h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân (Bắt buộc nếu cá nhân có dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giayToTuyThanID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Mã loại giấy tờ tùy thân	loiGiayToTuyThan	Integer	1	x	x	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng danh mục DM_LoiGiayToTuyThan
Tên loại giấy tờ tùy thân	tenLoaiGiayToThuyThan	String	255			là giá trị của giấy tờ tùy thân trong bảng danh mục DM_LoiGiayToTuyThan
Số giấy tờ	soGiayTo	String	30	x	x	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Date				Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
						Định dạng: yyyy-MM-dd
Nơi cấp	noiCap	String	100			Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh cá nhân	maDinhDanhCaNhan	String		x		Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Integer				1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân
						2: là trạng thái đã xác thực qua VNID
						3: là hình thức xác thực khác
Xác định giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN	laGiayToPhapLyTheoGCN	Boolean	1		x	- Xác định loại giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN, phục vụ chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo CV 2571/QLĐĐ-TKKTĐTDĐ
						- Mỗi version của 1 chủ chỉ có 1 loại giấy tờ là giấy tờ pháp lý cấp theo GCN. Trường hợp chủ chỉ có 1 loại giấy tờ thì mặc định set = TRUE
Phiên bản	phienBanCaNhan	Integer			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân
i) Dữ liệu về giấy tờ tổ chức (Bắt buộc nếu tổ chức có dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giayToToChucId	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tổ chức	loiGiayToToChuc	Integer	1	x	x	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng mã DM_LoiGiayToTuyThan
Số giấy tờ	soGiayTo	String	30	x	x	Là số giấy tờ tùy thân

Ngày cấp	ngayCap	Date	10			Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	String	100			Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh doanh nghiệp	maDinhDanhDoanhNghiep	String		x		Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Integer				1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân
						2: là trạng thái đã xác thực qua VNID
						3: là hình thức xác thực khác
Xác định giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN	laGiaiToPhapLyTheoGCN	Boolean	1			- Xác định loại giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN, phục vụ chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo CV 2571/QLĐĐ-TKKTĐTĐĐ
						- Mỗi version của 1 chủ chỉ có 1 loại giấy tờ là giấy tờ pháp lý cấp theo GCN. Trường hợp chủ chỉ có 1 loại giấy tờ thì mặc định set = TRUE
Phiên bản	phienBanToChuc	Integer			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
k) Dữ liệu về quốc tịch						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	quocTichID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã quốc gia	maQuocTich	String	3		x	Là mã quốc gia theo tiêu chuẩn ISO 3166-1
Tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam	tenQuocTich	String	255		x	Là tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam
l) Dữ liệu về dân tộc						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	

Mã đối tượng	danTocID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
	maDanToc	Integer	2		x	
Tên dân tộc	tenDanToc	String	255		x	Là tên dân tộc
3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất						
a) Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nhaRiengLeID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real		x	x	Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Đối với nhà ở một tầng thì thể hiện diện tích mặt bằng sàn xây dựng của nhà đó. Đối với nhà ở nhiều tầng thì thể hiện tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	String				Thể hiện tổng số tầng nhà
Số tầng hầm	soTangHam	String				Thể hiện tổng số tầng hầm (nếu có)

Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn công	namHoanCong	Interger				Năm hoàn công ghi trên giấy tờ (nếu có)
Kết cấu nhà ở	ketCau	String	150			Là thông tin kết cấu của nhà, thể hiện loại vật liệu xây dựng (gạch, bê tông, gỗ...), các kết cấu chủ yếu là tường, khung, sàn, mái. Ví dụ: “Tường, khung, sàn bằng bê tông cốt thép; mái ngói”
Cấp hạng	capHang	String	50			Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của nhà ở riêng lẻ
Phiên bản	phienBan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
b) Dữ liệu về hạng mục nhà riêng lẻ						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hangMucSoNhaRiengLeID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Diện tích	dienTich	Real				Là diện tích của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Diện tích	dienTichSan	Real		x	x	Là diện tích sàn của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real				Là diện tích xây dựng của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tên hạng mục nhà	tenHangMucNha	String	150			Là tên của hạng mục nhà riêng lẻ
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy công trình (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Phiên bản	phienBanNhaRiengLe	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ

c) Dữ liệu về khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	khuChungCuID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu	tenKhu	String	100	x	x	Là tên của khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích khu	dienTichKhu	Real				Là diện tích khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Integer				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của khu nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
d) Dữ liệu về nhà chung cư (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	

Mã đối tượng	nhaChungCuID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp	khuChungCuID	String				Khóa ngoại liên kết tới bảng khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Tên nhà chung cư	tenChungCu	String	100	x	x	Là tên của tòa nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real				Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà chung cư tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Là diện tích sàn nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại	tongSoCan	Integer				Là tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Số tầng	soTang	Integer				Thể hiện tổng số tầng của tòa nhà kể cả cả tầng hầm
Số tầng hầm	soTangHam	Integer				Thể hiện tổng số tầng hầm của nhà chung cư
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4			Là năm xây dựng của chung cư
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy của tòa nhà (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4			Là năm hoàn thành của chung cư, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30			Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng nhà chung cư	capHang	String	50			Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà chung cư của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của chung cư

Phiên bản	phienBan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
d) Dữ liệu về căn hộ						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	canHoID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	String		x	x	Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc chung cư nào
Số hiệu căn hộ	soHieuCanHo	String	20	x	x	Là số hiệu căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại
Tầng số	tangSo	String				Là thông tin thể hiện căn hộ nằm trên tầng bao nhiêu
Chiều cao căn hộ	chieuCaoCanHo	Real				Là thông tin thể hiện chiều cao thông thủy của căn hộ (nếu có)
Độ cao căn hộ	doCaoCanHo	Real				Là thông tin thể hiện chiều cao tương đối của mặt sàn của tòa nhà đến mặt sàn của căn hộ (nếu có)
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Là diện tích sàn của căn hộ theo hợp đồng mua bán căn hộ.
						Đơn vị tính là m2, được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Diện tích sử dụng	dienTichSuDung	Real				Diện tích sử dụng
Phiên bản	phienBan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của căn hộ
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

e) Dữ liệu về hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hangMucSoHuuChungID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	String		x	x	Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc nhà chung cư, nhà hỗn hợp nào
Tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ	tenHangMuc	String	50	x	x	Là tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Ví dụ: “hành lang chung”; “phòng họp công cộng”; “cầu thang máy”
Diện tích	dienTich	Real				Là diện tích của hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Phiên bản	phienBanNhaChungCu	Integer				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Phiên bản	phienBan	Integer				Phiên bản
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Có hiệu lực hay không
g) Dữ liệu về công trình xây dựng (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	

Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình	tenCongTrinh	String	255	x	x	Là tên của công trình xây dựng
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real				Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m2, được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Là diện tích sàn mà chủ đầu tư giữ lại sử dụng và diện tích các hạng mục mà chủ đầu tư có quyền sử dụng chung với các chủ căn hộ. Đơn vị tính là m2, được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	Integer				Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Integer				Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4			Là năm xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4			Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30			Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng công trình xây dựng	capHang	String	50			Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của công trình xây dựng

Phiên bản	phienBan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
h) Dữ liệu về công trình ngầm (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình ngầm	tenCongTrinh	String	255	x	x	Là tên của công trình ngầm
Loại công trình	loaiCongTrinhNgam	String				Là loại công trình ngầm theo quy định pháp luật về công trình ngầm
Diện tích công trình	dienTichCongTrinh	Real				Là diện tích công trình ngầm (trừ công trình ngầm theo tuyến)
Độ sâu tối đa	doSauToiDa	Real				Là độ sâu tối đa được tính từ mặt đất
Vị trí đầu nối công trình	viTriDauNoi	String	100			Là vị trí đầu nối công trình
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4			Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4			Là năm hoàn thành
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	50			Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của công trình ngầm
Phiên bản	phienBan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình ngầm

Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
i) Dữ liệu về hạng mục của công trình xây dựng						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hangMucCongTrinhID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc công trình xây dựng	congTrinhXayDungID	String		x	x	Là khóa ngoại thể hiện hạng mục của công trình xây dựng nào.
Tên hạng mục	tenHangMuc	String	255	x	x	Là tên của hạng mục công trình
Công năng	congNang	String	30			Là công năng của hạng mục
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real				Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Là diện tích sàn của hạng mục công trình. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Số tầng	soTang	Integer				Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Integer				Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Kết cấu hạng mục công trình	ketCau	String	255			Thể hiện loại vật liệu xây dựng công trình. Ví dụ: tường gạch, bê tông, khung sàn cốt thép, mái tôn.

Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4			Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4			Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30			Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng công trình xây dựng	capHang	String	50			Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp công trình xây dựng của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	255			Là địa chỉ chi tiết (nếu có) của hạng mục nằm trong công trình xây dựng
Phiên bản	phienBanCongTrinhXayDung	Integer				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng
Phiên bản	phienBan	Integer				Phiên bản
k) Dữ liệu về rừng sản xuất là rừng trồng (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	rungTrongID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Integer	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Tên rừng	tenRung	String	255	x	x	Là tên của rừng sản xuất là rừng trồng
Loại cây rừng chủ yếu	loaiCayRung	String	255			Là trường thông tin thể hiện các loại cây rừng được trồng chủ yếu
Diện tích có rừng	dienTich	Real				Là diện tích có rừng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của rừng sản xuất
Phiên bản	phienBan	Integer				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của rừng trồng

Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
l) Dữ liệu về cây lâu năm (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	cayLauNamID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai
						1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa “đúng - đủ - sạch - sống” theo hướng dẫn CV 2571
						6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Tên cây lâu năm	tenCayLauNam	String	255	x	x	Là tên của cây lâu năm (nếu có)
Loại cây trồng	loaiCayTrong	String	255			Là trường thông tin thể hiện các loại cây lâu năm được trồng chủ yếu
Diện tích	dienTich	Real				Là diện tích trồng cây lâu năm
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của khu vực trồng cây lâu năm
Phiên bản	phienBan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cây lâu năm
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
3.1.4. Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Bắt buộc)						
a) Dữ liệu về quyền sử dụng đất						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	

Mã đối tượng	quyenSuDungID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	maLoaiDoiTuong	String	5	x	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong.
						Đối với trường hợp đăng ký quyền cho nhóm người đồng sử dụng thì sử dụng mã loại đối tượng tương ứng (NNDSĐ) và phân biệt GCN của từng thành viên qua thông tin người được cấp giấy ở thẻ GiayChungNhan, không đăng ký quyền cho từng thành viên thuộc nhóm người
	doiTuongID	String		x	x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	thuaDatID	String		x	x	ID mục đích sử dụng đất đăng ký
Mục đích sử dụng	mucDichSuDungID	String		x	x	ID thửa đất đăng ký
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	String		x		ID nghĩa vụ tài chính đăng ký
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Hạn chế quyền sử dụng	hanCheQuyенID	String		x		ID hạn chế quyền đăng ký
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu Hạn chế quyền
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x		ID giấy chứng nhận đăng ký
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu GCN
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tingTrangPhapLyQuyенID	String		x	x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyен đăng ký quyền sử dụng đất
b) Dữ liệu về quyền quản lý đất						
Trường thông tin			Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh		Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	quyenQuanLyID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
						mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong.

Nhóm dữ liệu về người	maLoaiDoiTuong	String	5	x	x	Đối với trường hợp đăng ký quyền cho nhóm người đồng sử dụng thì sử dụng mã loại đối tượng tương ứng (NNDSĐ) và phân biệt GCN của từng thành viên qua thông tin người được cấp giấy ở thẻ GiayChungNhan, không đăng ký quyền cho từng thành viên thuộc nhóm người
	doiTuongID	String		x	x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	thuaDatID	String		x	x	ID mục đích sử dụng đất đăng ký
Mục đích sử dụng	mucDichSuDungID	String		x	x	ID thửa đất đăng ký
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tinhTrangPhapLyQuyenID	String		x	x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất
c) Dữ liệu về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	quyenSoHuuID	ID		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	maLoaiDoiTuong	String	5	x	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong. Đối với trường hợp đăng ký quyền cho nhóm người đồng sử dụng thì sử dụng mã loại đối tượng tương ứng (NNDSĐ) và phân biệt GCN của từng thành viên qua thông tin người được cấp giấy ở thẻ GiayChungNhan, không đăng ký quyền cho từng thành viên thuộc nhóm người
	doiTuongID	String		x	x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	loaiTaiSan	Integer	2	x	x	Là mã loại tài sản trong bảng danh mục DM_LoaiTaiSan
	taiSanID	String		x	x	ID tài sản thuộc loại tài sản đăng ký
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	String		x		ID nghĩa vụ tài chính đăng ký

Đăng ký quyền sử dụng tài chính	ngniaVuTaiChinhID	String		^		Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Hạn chế quyền sử dụng	hanCheQuyenID	String		x		ID hạn chế quyền đăng ký
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu Hạn chế quyền
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x		ID giấy chứng nhận đăng ký
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 và có dữ liệu GCN
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tingTrangPhapLyQuyenID	String		x	x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất
d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng đất						
Lưu ý: Trường hợp có QSD/QSH thì ĐK chung/riêng đều phải fill dữ liệu						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	dangKyChungRiengDatID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người			x	x	Tham chiếu đến mục n. Dữ liệu nhóm đăng ký chung
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	thuaDatID	String		x	x	ID thửa đất đăng ký
Mục đích sử dụng	mucDichSuDungID	String		x	x	ID mục đích sử dụng đất đăng ký
Sử dụng chung	suDungChung	Boolean		x	x	Là sử dụng chung
						0: riêng; 1: chung
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích sử dụng chung/riêng
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tingTrangPhapLyQuyenID	String		x	x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất
d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng tài sản gắn liền với đất						

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	dangKyChungRiengTaiSanID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người			x	x	Tham chiếu đến mục n. Dữ liệu nhóm đăng ký chung
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	loaiTaiSan	Integer	2	x	x	Là mã loại tài sản trong bảng danh mục DM_LoaiTaiSan
	taiSanID	String		x	x	ID tài sản thuộc loại tài sản đăng ký
Sử dụng chung	suDungChung	Boolean		x	x	Là sử dụng chung
						0: riêng; 1: chung
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích sử dụng chung/riêng
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tingTrangPhapLyQuyenID	String		x	x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất
e) Dữ liệu về nghĩa vụ tài chính						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nghiaVuTaiChinhID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String	36			Giấy chứng nhận
Loại nghĩa vụ tài chính	loaiNghiaVuTaiChinh	String	30			Là loại nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền, lệ phí trước bạ)
Tổng số tiền	tongSoTien	Integer				Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam

Tổng số tiền miễn giảm	tongSoTienMienGiam	Integer				Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền nợ	tongSoTienNo	Integer				Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính	ngayBatDau	Date				Là ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính
Đã hoàn thành nghĩa vụ tại chính	hoanThanh	Boolean				Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính.
						Giá trị 1 là không phải nộp
						Giá trị 0 là phải nộp
Không phải nộp nghĩa vụ tài chính	khongPhaiNop	Boolean				Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính.
						Giá trị 1 là không phải nộp
						Giá trị 0 là phải nộp
Miễn giảm nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về miễn giảm nghĩa vụ tài chính					
Nợ nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nợ nghĩa vụ tài chính					
g) Dữ liệu về miễn giảm nghĩa vụ tài chính						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	mienGiamNghiaVuTaiChinhID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	String				Là khóa ngoại liên kết tới dữ liệu nghĩa vụ tài chính

Loại chế độ miễn giảm	loaiCheDoMienGiamID	Integer				danh mục Loại chế độ miễn giảm
Số tiền miễn giảm	soTienMienGiam	Integer				Là số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo từng loại hoặc từng mục đích sử dụng. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Số văn bản miễn giảm	soQuyetDinhMienGiam	String	15			Là số quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
Ngày ban hành văn bản miễn giảm	ngayRaQuyetDinhMienGiam	Date				Là ngày ra quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
Cơ quan ban hành văn bản miễn giảm	coQuanRaQuyetDinhMienGiam	String	255			Là cơ quan ban hành quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
h) Dữ liệu về nợ nghĩa vụ tài chính						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	noNghiaVuTaiChinhID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	String				Là khóa ngoại liên kết tới dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Loại chế độ nợ nghĩa vụ tài chính	loaiCheDoMienGiamID	Integer	30			Là loại chế độ nợ nghĩa vụ tài chính
Số tiền nợ	soTienNo	Integer				Là số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được nợ nghĩa vụ tài chính theo từng loại hoặc từng mục đích sử dụng. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Số quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính	soQuyetDinhNo	String	15			Là số quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
Ngày ra quyết định nợ nghĩa vụ tài chính	ngayRaQuyetDinhNo	Date				Là ngày ra quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất

Cơ quan ra quyết định nợ nghĩa vụ tài chính	coQuanRaQuyetDinhNo	String	150			Là cơ quan ban hành quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
i) Dữ liệu về hạn chế quyền						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hanCheID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hạn chế	loaiHanChe	Integer		x	x	Là loại hạn chế:
						Giá trị 1: quyền sử dụng
						Giá trị 2: quyền sở hữu
						Giá trị 3: có cả quyền sử dụng thửa đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
						Giá trị 4: quyền quản lý
Diện tích hạn chế	dienTich	Real		x	x	Là phần diện tích thửa đất hoặc diện tích tài sản gắn liền với đất bị hạn chế quyền sử dụng. Đơn vị đo là m²
Nội dung hạn chế	noiDungHanChe	String	150			Là thông tin về hạn chế quyền. Ví dụ các trường hợp: thửa đất hoặc một phần thửa đất thuộc quy hoạch sử dụng đất mà phải thu hồi, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi; thửa đất hoặc một phần thửa đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình; có quy định hạn chế diện tích xây dựng đối với thửa đất; không được phép giao dịch do có tranh chấp; không được giao dịch theo quyết định của Tòa án.
Hạn chế một phần	hanCheMotPhan	Boolean			v	Giá trị 1: là hạn chế một phần thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất

Hạn chế một phần	hanChetMotPhan	Boolean			^	Giá trị 0: là hạn chế toàn bộ thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất
Số văn bản pháp lý	soVanBan	String	15			Là số văn bản làm căn cứ cho hạn chế quyền
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Date		x		Là ngày ban hành văn bản
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	150	x		Là cơ quan ban hành văn bản
Liên kết đến file quét	linkfile	String/Base64				Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản làm căn cứ cho hạn chế
						Đối với đồng bộ hằng ngày là dạng base64
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean	1			
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	tingTrangPhapLyQuyenID	String		x	x	ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký quyền sử dụng đất
k) Dữ liệu về giấy chứng nhận						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giayChungNhanID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại giấy chứng nhận	loaiGiayChungNhan	Integer	1	x	x	Là mã loại giấy chứng nhận trong bảng danh mục DM_LoaiGiayChungNhan
Số vào sổ	soVaoSo	String	10	x	x	Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
Số vào sổ cũ	soVaoSoCu	String				Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cũ

Ngày vào sổ cũ	ngayVaoSoCu	Date				Là ngày vào sổ cấp giấy chứng nhận cũ
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Số phát hành	soPhatHanh	String	10	x	x	Là số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Mã giấy chứng nhận	MaGiayChungNhan	String				Là Mã giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư về Hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Mã vạch	maVach	String	15			Là dãy số dạng MX.MN.ST trong đó:
						+ MX là mã đơn vị hành chính cấp xã
						Trường hợp thẩm quyền cấp tỉnh thì ghi thêm mã đơn vị hành chính cấp tỉnh trước mã đơn vị hành chính cấp xã
						+ MN là mã của năm cấp Giấy chứng nhận (gồm hai chữ số sau cùng của năm ký cấp Giấy chứng nhận),
						+ ST là số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai tương ứng với Giấy chứng nhận được cấp lần đầu theo quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ngày cấp	ngayCap	Date				Là ngày cấp giấy chứng nhận
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Tên cơ quan cấp GCN	coQuanCap	String				Là tên cơ quan cấp thực hiện cấp giấy chứng nhận
Người ký GCN	nguoiKy	String				Là họ và tên của lãnh đạo thực hiện ký tên giấy chứng nhận
Ghi chú trang 1	ghiChuTrang1	String				Là nội dung ghi chú trang 1 (đối với GCN 4 trang cũ)
Ghi chú trang 2	ghiChuTrang2	String				Là nội dung ghi chú trang 2 (đối với GCN 2 trang mới), hoặc là ghi chú trang 3 (đối với GCN 4 trang cũ)
Là người đại diện theo pháp luật	nguoiNhanGCNID	String				ID cá nhân là người đại diện theo pháp luật đến nhận Giấy chứng nhận

Mã loại đối tượng được cấp GCN	maLoaiDoiTuongDuocCapGCN	String		x		mã loại đối tượng chủ đứng tên trên giấy chứng nhận trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong, chỉ có dữ liệu trong trường hợp cấp mỗi thành viên 1 giấy của nhóm người đồng sử dụng
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 trong trường hợp ĐSD và cấp mỗi người 1 giấy
Người được cấp GCN	nguoiDuocCapGCNID	String		x		ID đối tượng chủ đứng tên trên giấy chứng nhận theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC... Chỉ có dữ liệu trong trường hợp cấp mỗi thành viên 1 giấy của nhóm người đồng sử dụng
						Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1 trong trường hợp ĐSD và cấp mỗi người 1 giấy
Liên kết đến file quét	linkfile	String/Base64				Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản.
						Đối với đồng bộ hằng ngày là dạng base64

Ghi chú: Trường thông tin Mã vạch được thu nhận đối với các giấy chứng nhận có in thông tin mã vạch.

I) Dữ liệu QR về Giấy chứng nhận						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	qrID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String		x	x	Là liên kết đến thông tin giấy chứng nhận
Mã QR	maQR	String	200	x	x	Là chuỗi ký tự gồm các thành phần trong ghi chú
Mã QR mã hóa	maHoaQR	String		x	x	Là chuỗi ký tự được mã hóa của Mã QR theo phương pháp mã hóa 1 chiều (hash)
Đường dẫn file QR	urlQR	String				Là đường dẫn địa chỉ lưu trữ nội dung phản hồi QR

Phiên bản đặc tả	phienBangDacTa	Interger				Là phiên bản đặc tả của QR
Mã hình QR	maHinhQR	Binary				Mã hình QR được khởi tạo từ trường dữ liệu đường dẫn file QR
Nội dung QR	noiDungQR	Binary				Là dữ liệu của nội dung QR
<i>Ghi chú: Mã QR Là chuỗi ký tự gồm các thành phần:</i>						
1. Thời gian khởi tạo QR: Là thời điểm tạo mã hình QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss)						
2. Đơn vị khởi tạo QR (đơn vị in GCN): Là mã định danh điện tử đơn vị in Giấy chứng nhận						
3. Phần mềm in QR: Là tên phần mềm tạo mã QR và in Giấy chứng nhận						
4. Mã hồ sơ thủ tục hành chính: Là mã hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định						
5. Số seri: Là số phát hành phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.						
6. Mã Giấy chứng nhận: Là mã Giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư về Hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường						
7. Thời gian chỉnh sửa file PDF: Là thời điểm chỉnh sửa file PDF chứa nội dung QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss)						
8. Mã bảo mật: Là mã bảo mật theo định dạng đã được mã hóa riêng gồm 9 ký tự.						
m) Dữ liệu về nội dung thay đổi giấy chứng nhận						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	noiDungThayDoiID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	String			x	Là khóa liên kết với thông tin giấy chứng nhận
Phiên bản giấy chứng nhận	phienBanGiayChungNhan	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của giấy chứng nhận
Cơ quan xác nhận	coQuanXacNhan	String	150			Là tên cơ quan xác nhận nội dung thay đổi
						Là ngày cơ quan xác nhận xác nhận thay đổi

Ngày xác nhận	ngayXacNhan	Date	10		x	Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Nội dung thay đổi	noiDungThayDoi	String	300	x	x	Nội dung thay đổi của giấy chứng nhận
Trang in xác nhận	trangBoSungGiayChungNhan	Interger				Là thông tin trang in xác nhận
m) Dữ liệu về nhóm người đăng ký chung/riêng						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
ID chủ đăng ký chung	doiTuongID	String		x	x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
Mã loại đối tượng chủ đăng ký chung	maLoaiDoiTuong	String	5	x	x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong

3.1.5. Nhóm dữ liệu tình trạng pháp lý về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	tinhHinhDangKyID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Ngày tiếp nhận	ngayTiepNhan	Date	10			Là ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính	thoiDiemDangKy	Date	10		x	Là thời điểm đăng ký vào sổ địa chính
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)

Số thứ tự hồ sơ	soThuTu	Integer				Là số thứ tự hồ sơ theo quy định của Hồ sơ địa chính
Người ủy quyền thực hiện đăng ký	nguoiDaiDienDangKyID	String				ID cá nhân là người được ủy quyền thực hiện đăng ký
	maLoaiDoiTuong	String	5			mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
Có quyền sử dụng đất	coQuyenSuDung	Boolean				Giá trị 1: có quyền sử dụng đất
						Giá trị 0: không có quyền sử dụng đất
Có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	coQuyenSoHuu	Boolean				Giá trị 1: có quyền sở hữu
						Giá trị 0: không có quyền sở hữu
Có quyền quản lý đất	coQuyenQuanLy	Boolean				Giá trị 1: có quyền quản lý
						Giá trị 0: không có quyền quản lý
3.1.6. Nhóm dữ liệu về biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất						
a) Dữ liệu về giao dịch thay đổi						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giaoDichID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại giao dịch biến động	loaiGiaoDichBienDong	Integer			x	Là các loại hình biến động được quy định trong Hồ sơ địa chính
Thời điểm đăng ký biến động	thoiDiemDangKyBienDong	Date				Là thời điểm đăng ký biến động
Nội dung biến động	noiDungBienDong	String			x	Là nội dung biến động
Quản lý thông tin lịch sử biến động, thay đổi của dữ liệu địa chính: Nội dung biến động đất đai thông qua thực hiện thủ tục hành chính hoặc những biến động, thay đổi khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai thì phải được tổ chức, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu như sau:						
- Lưu trữ đầy đủ nội dung, cấu trúc tương tự như dữ liệu hiện thời đang được quản lý trong cơ sở dữ liệu, bao gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc, dữ liệu đặc tả (siêu dữ liệu);						

- Đảm bảo tính toàn vẹn và liên kết giữa các thành phần dữ liệu, liên kết theo lịch sử hình thành của dữ liệu, hồ sơ để phục vụ trích xuất, tra cứu thông tin đầy đủ và thuận tiện theo 2 chiều (tra cứu từ bất kỳ thời điểm biến động, thay đổi nào cũng cho ra kết quả biến động, thay đổi trước thời điểm tra cứu và sau thời điểm tra cứu (nếu có)).

b) Dữ liệu về Giao dịch bảo đảm						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giaoDichBaoDamID	String			x	ID giao dịch đảm bảo
Mã giao dịch	giaoDichId	String			x	ID giao dịch đăng ký giao dịch bảo đảm
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	TinhTrangPhapLyQuyenID	String				ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký giao dịch bảo đảm
Giao dịch đảm bảo cấp cha	giaoDichBaoDamChaID	String				ID giao dịch bảo đảm cha (trong trường hợp giao dịch thế chấp bổ sung)
Loại giao dịch đảm bảo	loaiGiaoDichBaoDam	String	1			Là mã loại giao dịch bảo đảm trong bảng danh mục DM_LoaiGiaoDichBaoDam
Thời điểm đăng ký	thoiDiemDangKy	Date	20		x	Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày bắt đầu	ngayBatDau	Date	20			Ngày bắt đầu giao dịch bảo đảm
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày kết thúc	ngayKetThuc	Date	20			Ngày kết thúc giao dịch bảo đảm
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean	1			0: false; 1: true
c) Dữ liệu về Chủ tham giao dịch bảo đảm						
- Chủ nhận thế chấp						
Trường thông tin				Bắt buộc		

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	Mô tả
Mã đối tượng	chuNhanTheChapID	String			x	ID chủ nhận thể chấp
Thông tin về chủ nhận thể chấp	maLoaiDoiTuong	String	5		x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String			x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
- Chủ bảo lãnh						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	chuNhanTheChapID	String			x	ID chủ nhận thể chấp
Thông tin về chủ bảo lãnh	maLoaiDoiTuong	String	5		x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String			x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
- Chủ xoá thể chấp						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	chuNhanTheChapID	String			x	ID chủ nhận thể chấp
Thông tin về chủ xoá thể chấp	maLoaiDoiTuong	String	5		x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String			x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
d) Dữ liệu về chi tiết Giao dịch bảo đảm						

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	chiTietGiaoDichBaoDamID	String			x	ID chi tiết giao dịch bảo đảm
giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm	giayChungNhanID	String			x	ID giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm
loại tài sản đã ký trong giao dịch thế chấp	laTheChapThuaDat	Boolean	1			Là loại tài sản đã ký trong giao dịch thế chấp
						1: thừa đất
						0: tài sản
mã loại tài sản	loaiTaiSan	Integer	2		x	Là mã loại tài sản trong bảng danh mục DM_LoaiTaiSan, đối với TH thế chấp tài sản gắn liền với đất, TH thế chấp thừa đất thì để trống
thừa đất hoặc tài sản gắn liền với đất đăng ký giao dịch bảo đảm	taiSanID	String			x	ID thừa đất hoặc tài sản gắn liền với đất đăng ký giao dịch bảo đảm
hạng mục tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm	hangMucTaiSanID	String				ID hạng mục tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm
Diện tích thế chấp	dienTichTheChap	Real				Diện tích thế chấp
hiệu lực của giao dịch thế chấp	trangThaiTheChap	Boolean	1			Xác định hiệu lực của giao dịch thế chấp
						1: hồ sơ vẫn đang được thế chấp
						0: hồ sơ đã xoá toàn bộ thế chấp
e) Dữ liệu về hợp đồng						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hopDongID	String			x	ID hợp đồng

số hợp đồng mua bán	soHopDongMuaBan	String			x	Là số hợp đồng mua bán
Ngày lập hợp đồng	ngayLapHopDong	Date	20		x	Ngày lập hợp đồng
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Tổng giá trị hợp đồng	tongGiaTriHopDong	Double				Tổng giá trị hợp đồng
Số công chứng hợp đồng	soCongChung	String				Số công chứng hợp đồng
ngày chứng thực	ngayChungThuc	Date	20			ngày chứng thực
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
cơ quan chứng thực	coQuanChungThuc	String				cơ quan chứng thực
quyền công chứng	quyenCongChung	String				quyền công chứng
ngày trước bạ	ngayTruocBa	Date	20			ngày trước bạ
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
nội dung hợp đồng	noiDungHopDong	String				nội dung hợp đồng
Ngày bắt đầu hợp đồng	thoiHanBatDauHopDong	Date	20			Ngày bắt đầu hợp đồng
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày kết thúc hợp đồng	thoiHanKetThucHopDong	Date	20			Ngày kết thúc hợp đồng
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
f) Dữ liệu về Giao dịch Thuê đất						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	

Mã đối tượng	thueDatID	String			x	ID giao dịch đảm bảo
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền	TinhTrangPhapLyQuyenID	String			x	ID giao dịch đăng ký giao dịch bảo đảm
Dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền của bên đi thuê	TinhTrangPhapLyQuyenBenDiThueID	String				ID liên kết với thẻ TinhTrangPhapLyQuyen đăng ký giao dịch bảo đảm
Thời hạn thuê	thoiHanThue	String				ID giao dịch bảo đảm cha (trong trường hợp giao dịch thế chấp bổ sung)
Ngày bắt đầu thuê	ngayBatDauThue	Date	20			Là mã loại giao dịch bảo đảm trong bảng danh mục DM_LoiGiaoDichBaoDam
Ngày kết thúc thuê	ngayKetThucThue	Date	20		x	Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Số quyết định	soQuyetDinh	String				Ngày bắt đầu giao dịch bảo đảm
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Ngày quyết định	ngayQuyetDinh	Date	20			Ngày kết thúc giao dịch bảo đảm
						Định dạng: yyyy-MM-dd HH:mm:ss (Nếu thông tin chỉ có ngày, thì mặc định H:m:s = 0)
Nơi ra quyết định	noiQuyetDinh	String				0: false; 1: true
g) Dữ liệu về Chủ tham giao dịch cho thuê đất						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nguoiThueDatID	String			x	ID người thuê đất

Thông tin về chủ tham gia giao dịch	maLoaiDoiTuong	String	5		x	mã loại đối tượng chủ sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
	doiTuongID	String			x	ID đối tượng chủ theo mã loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC...
h) Dữ liệu về thửa đất cho thuê						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	thuaDatChoThueID	String			x	ID thửa đất cho thuê
Thửa đất cho thuê	thuaDatID	String			x	ID thửa đất đăng ký cho thuê
Loại đất cho thuê	loaiDatID	String			x	ID loại đất thuộc thửa đất đăng ký cho thuê
Diện tích cho thuê	dienTichChoThue	Real				Diện tích đất cho thuê
3.1.7. Nhóm dữ liệu về hồ sơ địa chính						
a) Sổ địa chính						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	soDiaChinhID	string	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng thửa đất hoặc tài sản gắn liền với	itemID	string	36			(nếu xác định được) Là khóa liên kết với thửa đất hoặc là tài sản

hoặc tại sân gần liền với đất		string	30			gắn liền với đất
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	string	36			Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử (Phần hồ sơ giao dịch)
Keyword xác định loại sổ địa chính: thửa đất hay căn hộ chung cư	phanLoaiSDC	string	20			THUADAT, CHCC
mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	string	5		x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Trạng thái ký sổ của sổ địa chính	daKySo	Boolean	1			Là trạng thái đã ký sổ hay chưa của sổ địa chính
						0: false; 1: true
Là trạng thái của sổ địa chính	trangThai	Boolean	1			Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
						0: false; 1: true
Nội dung của sổ địa chính	noiDung	string				
Thời điểm tạo sổ địa chính	thoiDiemLap	Date	9			Thời điểm tạo sổ địa chính
Người lập sổ địa chính	nguoiLap	string	100			Người lập sổ địa chính
Thời điểm ký	thoiDiemKy	Date	10			Là thời điểm ký sổ sổ địa chính
b) Dữ liệu file ký sổ						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Kiểu file của sổ địa chính	fileType	string	150			SDC-CHUAKY, SDC-KYNHAY, SDC (Trạng thái cuối cùng của sổ địa chính)

Là file bản quét của văn bản	linkFile	String/Base64				Đối với đồng bộ hằng ngày là file dạng Base64
Thời điểm ký sổ địa chính	thoiDiemKy	Date	9			Là thời điểm ký sổ sổ địa chính
Người ký sổ địa chính	nguoiKy	string	100			Là thông tin họ tên của người ký sổ
Tên file sổ địa chính	filename	string	150			Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
						Nếu file
c) Sổ địa chính quá trình thay đổi						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
id quá trình thay đổi của thửa đất/CHCC của sổ địa chính	soDiaChinhQuaTrinhThayDoiID	string	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
id đến thông tin giao dịch biến động	giaoDichID	string	36			Liên kết đến Giao dịch biến động địa chính (Nếu có)
Id của hồ sơ đăng ký điện tử	hoSoDangKySoID	string	36			Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử (Phần hồ sơ giao dịch)
Thời điểm đăng ký biến động	thoiDiemDangKyThayDoi	date	9			Thời điểm đăng ký kiểu dữ liệu datetime
Nội dung thay đổi	noiDungDangKyThayDoi	string	500			Là nội dung đăng ký thay đổi vào sổ địa chính
3.1.8. Nhóm dữ liệu về thông tin ngăn chặn quyền						
a) Dữ liệu về ngăn chặn quyền						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	String	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung	khoaChaId	String	36			Nếu là Văn bản ngăn chặn bổ sung hoặc hủy bỏ ngăn chặn thì Id này không null
						Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung, gỡ bỏ là self-reference đến bảng VanBanNganChan dựa trên khoaChaId
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10			NGANCHAN hoặc BOSUNG hoặc HUYBO
Cấp độ ngăn chặn	capDoNganChan	Integer	4			Cấp độ, mức độ ngăn chặn: Cấp 1 Cảnh báo, Cấp 2 ngăn chặn.
mã loại văn bản ngăn chặn	loaiVanBanNganChanId	String	36			Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản ngăn chặn	soVanBan	String	150		x	Số văn bản ngăn chặn
Trích yếu	trichYeu	String	255			Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ văn bản ngăn chặn
Ghi chú văn bản ngăn chặn	ghiChu	String	255			Ghi chú văn bản ngăn chặn
ngày ban hành	ngayBanHanh	Date	3		x	Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
ngày hết hiệu lực	ngayHetHieuLuc	Date	3			Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Mặc định: (1)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	50		x	Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày nhận vb	ngayNhanVanBan	Date	3			Là ngày nhận văn bản
Trạng thái	trangThai	Boolean				Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
						Mặc định: (1)
b) Dữ liệu về Văn bản ngăn chặn gỡ bỏ						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	String	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Danh sách Văn bản ngăn						Là Khóa cha ID của Văn bản ngăn chặn gỡ bỏ

chặn bổ sung	khoaChaId	String	36		x	Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung, gỡ bỏ là self-reference đến bảng VanBanNganChan dựa trên khoaChaId
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10			NGANCHAN hoặc BOSUNG hoặc HUYBO
Cấp độ ngăn chặn	capDoNganChan	Integer	4			Cấp độ, mức độ ngăn chặn: Cấp 1 Cảnh báo, Cấp 2 ngăn chặn.
mã loại văn bản ngăn chặn	loaiVanBanNganChanId	String	36			Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản ngăn chặn	soVanBan	String	150		x	Số văn bản ngăn chặn
Trích yếu	trichYeu	String	255			Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ văn bản ngăn chặn
Ghi chú	ghiChu	String	255			Ghi chú văn bản ngăn chặn
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Date	3		x	Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày hết hiệu lực	ngayHetHieuLuc	Date	3			Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Mặc định: (1)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	50		x	Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày nhận vb	ngayNhanVanBan	Date	3			Là ngày nhận văn bản
Trạng thái	trangThai	Boolean				Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
						Mặc định: (1)
c) Dữ liệu về Văn bản ngăn chặn bổ sung						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	String	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung	khoaChaId	String	36		x	Là Khóa cha ID của Văn bản ngăn chặn bổ sung
						Danh sách Văn bản ngăn chặn bổ sung, gỡ bỏ là self-reference đến bảng VanBanNganChan dựa trên khoaChaId

Mã phân loại	maPhanLoai	String	10			NGANCHAN hoặc BOSUNG hoặc HUYBO
Cấp độ ngăn chặn	capDoNganChan	Integer	4			Cấp độ, mức độ ngăn chặn: Cấp 1 Cảnh báo, Cấp 2 ngăn chặn.
mã loại văn bản ngăn chặn	loiVanBanNganChanId	String	36			Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản ngăn chặn	soVanBan	String	150		x	Số văn bản ngăn chặn
Trích yếu	trichYeu	String	255			Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ văn bản ngăn chặn
Ghi chú	ghiChu	String	255			Ghi chú văn bản ngăn chặn
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Date	3		x	Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày hết hiệu lực	ngayHetHieuLuc	Date	3			Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				Mặc định: (1)
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	String	50		x	Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày nhận vb	ngayNhanVanBan	Date	3			Là ngày nhận văn bản
Trạng thái	trangThai	Boolean				Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
						Mặc định: (1)
d) Dữ liệu về 1 file đính kèm của Văn bản ngăn chặn						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	vanBanNganChanFileID	String	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Liên kết đến bảng ngăn chặn	vanBanNganChanID	String	36		x	Liên kết đến bảng ngăn chặn
Tên tệp tin lưu trữ	filename	String	150			Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Minetype của tệp tin	minetype	String	100			Là minetype của tệp tin lưu trữ điện tử

Filesize của tệp tin lưu trữ	filesize	Integer	4			Là Filesize của tệp tin lưu trữ điện tử (in bytes)
File bản quét	linkfile	Base64				Là file bản quét của văn bản dạng Base64
Thứ tự hiển thị	thuTuSapXep	Integer	4			Thứ tự hiển thị
Trạng thái	trangThai	Boolean				Tham chiếu thông tư 09/2024/TT-BTNMT
						Mặc định: (1)
e) Dữ liệu về thành phần ngăn chặn						
Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	thanhPhanNganChanID	String	36		x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Liên kết đến bảng ngăn chặn	vanBanNganChanID	String	36		x	Là khóa liên kết đến văn bản ngăn chặn của thành phần ngăn chặn
Ngày bắt đầu	ngayBatDau	Date	3			Là thời gian bắt đầu có hiệu lực ngăn chặn
Ngày kết thúc	ngayKetThuc	Date	3			Là thời gian kết thúc hiệu lực ngăn chặn
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean				True: Còn hiệu lực, False hết hiệu lực
						Mặc định: (1)
Nội dung	noiDungNganChan	String	1000			Là nội dung ngăn chặn tại văn bản ngăn chặn
Mã phân loại	maPhanLoai	String	10			CHU hoặc THUA hoặc TAISAN hoặc GCN
Mã tỉnh	maDVHCTinh	String	2			Ngăn chặn thửa: mã tỉnh của thửa;
						Ngăn chặn tài sản (căn hộ): mã tỉnh của tài sản;
						Ngăn chặn chủ: mã tỉnh của địa chỉ thường trú;
						Ngăn chặn giấy: mã tỉnh của GCN.

Mã xã	maDVHCXa	String	5			Ngăn chặn thửa: mã huyện của thửa;
						Ngăn chặn tài sản (căn hộ): mã xã của tài sản;
						Ngăn chặn chủ: mã huyện của địa chỉ thường trú;
						Ngăn chặn giấy: mã huyện của GCN.
Tên tổ dân phố	tenToDanPho	String	30			Ngăn chặn thửa: Tên tổ dân phố của địa chỉ thửa đất;
						Ngăn chặn tài sản (căn hộ): Tên tổ dân phố của địa chỉ tài sản;
Tên đường	tenDuongPho	String	50			Ngăn chặn thửa: Tên đường phố của địa chỉ thửa đất;
						Ngăn chặn tài sản (căn hộ): Tên đường phố của địa chỉ tài sản;
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	50			Ngăn chặn thửa: Địa chỉ chi tiết của thửa đất;
						Ngăn chặn tài sản (căn hộ): số hiệu căn hộ/số hiệu tòa nhà
Địa chỉ	diaChi	String	255			Toàn bộ chuỗi địa chỉ của thửa đất từ số nhà, đến phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố
Thửa đất	thuaDatID	String	36			(nếu xác định được) Liên kết đến bảng thửa đất
số hiệu bản đồ	soHieuToBanDo	Integer	4			Là số hiệu bản đồ
số hiệu bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	String	50			Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
số thứ tự thửa đất	soThuTuThua	Integer	4			Là số thứ tự thửa đất
số thứ tự thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	String	50			Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Diện tích	dienTichPhapLy	Number	8			Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này. Đơn vị tính là m ²
ID tài sản	taiSanID	String	36			(nếu xác định được) Liên kết đến bảng tài sản
Loại tài sản	loaiTaiSanGanLienVoiDat	Integer	4			Được xác định trong bảng mã: “Loại tài sản
						gắn liền với đất”
Tên tài sản	tenTaiSan	String	255			Tên tài sản

ID GCN	giayChungNhanID	String	36			Là khóa liên kết đến thông tin giấy chứng nhận ngăn chặn (Nếu có)
Mã vạch GCN	maVach	String	15			Mã vạch GCN, Là dãy số dạng MX.MN.ST trong đó: + MX là mã đơn vị hành chính cấp xã Trường hợp thẩm quyền cấp tỉnh thì ghi thêm mã đơn vị hành chính cấp tỉnh trước mã đơn vị hành chính cấp xã + MN là mã của năm cấp Giấy chứng nhận (gồm hai chữ số sau cùng của năm ký cấp Giấy chứng nhận), + ST là số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai tương ứng với Giấy chứng nhận được cấp lần đầu theo quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Số phát hành GCN	soPhatHanh	String	10			Là số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
số vào sổ	soVaoSo	String	10			Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Số vào sổ cấp GCN cũ	soVaoSoCu	String	50			Số vào sổ cấp GCN cũ
Ngày vào sổ cấp GCN	ngayVaoSo	Date	3			Ngày vào sổ cấp GCN
Số hồ sơ gốc cấp GCN	soHoSoGoc	String	50			Số hồ sơ gốc cấp GCN
Số hồ sơ gốc cấp GCN cũ	soHoSoGocCu	String	50			Số hồ sơ gốc cấp GCN cũ
Số hồ sơ gốc cấp GCN cũ	doiTuongSuDungDatID	String	36			Là khóa liên kết đến thông tin nhóm dữ liệu về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất
thông tin nhóm dữ liệu về người sử dụng đất	tenDoiTuongSuDungDat	String	120			Tên cá nhân (50) hoặc tên tổ chức (120)
ngày, tháng, năm sinh (nếu có) của cá nhân sử dụng đất	ngaySinhDoiTuongSuDungDat	Date	3			Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có) của cá nhân sử dụng đất
số giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức	soGiayToDoiTuongSuDungDat	String	30			Là số giấy tờ tùy thân của cá nhân hoặc tổ chức

[illegible]